**Phụ lục I**

**KHUNG KẾ HOẠCH DẠY HỌC MÔN HỌC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN**

(*Kèm theo Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Bộ GDĐT*)

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG: THCS CẦU KIỆU**  **TỔ: SỬ-ĐỊA-NGHỆ THUẬT&THỂ CHẤT** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**KẾ HOẠCH DẠY HỌC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN**

**MÔN LỊCH SỬ- ĐỊA LÍ 6,7**

(Năm học 2022 - 2023)

**I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH:**

**1. Số lớp: 12 ; Số học sinh: ; Số học sinh học chuyên đề lựa chọn** (nếu có)**:** Không

**2. Tình hình đội ngũ:**

**Số giáo viên:** 05 **Trình độ đào tạo**: Cao đẳng: 00 Đại học: 05 Trên đại học: 00

**Mức đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên:** Tốt: 05; Khá: 00; Đạt: 00; Chưa đạt: 00

**3. Thiết bị dạy học:**

* ***Phân môn Lịch sử***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Thiết bị dạy học** | **Số lượng** | **Các bài học/thực hành** | **Ghi chú**  **Hướng dẫn thực hiện** |
| **LỊCH SỬ 6** | | | | |
| 1 | Máy tính | 01 | Các tiết dạy lí thuyết, thực hành | GV chủ động sử dụng |
| 2 | Ti vi | 01 | Các tiết dạy lí thuyết, thực hành | GV chủ động sử dụng |
| 3 | Lược đồ dấu tích của người tối cổ ở Đông Nam Á | 01 | Các tiết dạy | GV hướng dẫn HS sử dụng hiệu quả |
| 4 | Lược đồ Ai Cập cổ đại | 01 | Các tiết dạy | GV hướng dẫn HS sử dụng hiệu quả |
| 5 | Lược đồ Lưỡng Hà cổ đại | 01 | Các tiết dạy | GV hướng dẫn HS sử dụng hiệu quả |
| 6 | Lược đồ Ấn Độ cổ đại | 01 | Các tiết dạy | GV hướng dẫn HS sử dụng hiệu quả |
| 7 | Lược đồ Trung Quốc cổ đại | 01 | Các tiết dạy | GV hướng dẫn HS sử dụng hiệu quả |
| 8 | Lược đồ Hi Lạp cổ đại | 01 | Các tiết dạy | GV hướng dẫn HS sử dụng hiệu quả |
| 9 | Lược đồ La Mã cổ đại | 01 | Các tiết dạy | GV hướng dẫn HS sử dụng hiệu quả |
| 10 | Lược đồ Đông Nam Á cổ đại | 01 | Các tiết dạy | GV hướng dẫn HS sử dụng hiệu quả |
| 11 | Lược đồ nhà nước Văn Lang, Âu Lạc | 01 | Các tiết dạy | GV hướng dẫn HS sử dụng hiệu quả |
| 12 | Lược đồ Champa, Phù Nam | 01 | Các tiết dạy | GV hướng dẫn HS sử dụng hiệu quả |
| **LỊCH SỬ 7** | | | | |
| 1 | Máy tính | 01 | Các tiết dạy lí thuyết, thực hành | GV chủ động sử dụng |
| 2 | Ti vi | 01 | Các tiết dạy lí thuyết, thực hành | GV chủ động sử dụng |
| 3 | Tranh ảnh, bản đồ các vương quốc Tây Âu | 01 | Các tiết dạy | GV hướng dẫn HS sử dụng hiệu quả |
| 4 | Bản đồ về các cuộc phát kiến địa lí | 01 | Các tiết dạy | GV hướng dẫn HS sử dụng hiệu quả |
| 5 | Tranh ảnh về các nhà phát kiến | 01 | Các tiết dạy | GV hướng dẫn HS sử dụng hiệu quả |
| 6 | Bản đồ, tranh ảnh các nước Tây Âu Trung đại | 01 | Các tiết dạy | GV hướng dẫn HS sử dụng hiệu quả |
| 7 | Tranh ảnh các nhà văn hóa phục Hưng | 01 | Các tiết dạy | GV hướng dẫn HS sử dụng hiệu quả |
| 8 | Tranh ảnh các nhà cải cách tôn giáo | 01 | Các tiết dạy | GV hướng dẫn HS sử dụng hiệu quả |
| 9 | Lược đồ nước Ấn Độ | 01 | Các tiết dạy | GV hướng dẫn HS sử dụng hiệu quả |
| 10 | Lược đồ các quốc gia PK Đông Nam Á | 01 | Các tiết dạy | GV hướng dẫn HS sử dụng hiệu quả |
| 11 | Lược đồ CPC từ thế kỉ IX đến thế kỉ XVI | 01 | Các tiết dạy | GV hướng dẫn HS sử dụng hiệu quả |
| 12 | Sơ đồ các giai đoạn phát triển của vương quốc Lào | 01 | Các tiết dạy | GV hướng dẫn HS sử dụng hiệu quả |
| 13 | Lược đồ vị trí 12 sứ quân | 01 | Các tiết dạy | GV hướng dẫn HS sử dụng hiệu quả |
| 14 | Lược đồ kháng chiến chống Tống 981 | 01 | Các tiết dạy | GV hướng dẫn HS sử dụng hiệu quả |
| 15 | Lược đồ trận chiến tại phòng tuyến sông Như Nguyệt | 01 | Các tiết dạy | GV hướng dẫn HS sử dụng hiệu quả |
| 16 | Lược đồ cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Nguyên Mông 1285, 1287-1288.. | 01 | Các tiết dạy | GV hướng dẫn HS sử dụng hiệu quả |
| 17 | Tranh ảnh. Lược đồ kháng chiến chống quân Minh của nhà Hồ | 01 | Các tiết dạy | GV hướng dẫn HS sử dụng hiệu quả |
| 18 | Lược đồ khởi nghĩa Lam Sơn | 01 | Các tiết dạy | GV hướng dẫn HS sử dụng hiệu quả |
| 19 | Lược đồ nước Đại Việt thời Lê Sơ | 01 | Các tiết dạy | GV hướng dẫn HS sử dụng hiệu quả |

* ***Phân môn Địa lý***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Thiết bị dạy học** | **Số lượng** | **Các bài thí nghiệm/thực hành** | **Ghi chú** |
| **ĐỊA LÍ 6** | | | | |
| 1 | Qủa địa cầu | 01 | Các tiết dạy | GV hướng dẫn HS sử dụng hiệu quả |
| 2 | Lưới kinh vĩ tuyến; Một số lưới chiếu toàn cầu | 01 | Các tiết dạy | GV hướng dẫn HS sử dụng hiệu quả |
| 3 | Trích mảnh bản đồ thông dụng: Bản đồ địa hình, Bản đồ hành chính, Bản đồ đường giao thông, Bản đồ du lịch | 01 | Các tiết dạy | GV hướng dẫn HS sử dụng hiệu quả |
| 4 | Sơ đồ Chuyển động của Trái đất quanh Mặt Trời | 01 | Các tiết dạy | GV hướng dẫn HS sử dụng hiệu quả |
| 6 | Tranh về sơ đồ cấu tạo núi lửa | 01 | Các tiết dạy | GV hướng dẫn HS sử dụng hiệu quả |
| 7 | Tranh về hiện tượng tạo núi | 01 | Các tiết dạy | GV hướng dẫn HS sử dụng hiệu quả |
| 8 | Sơ đồ các tầng khí quyển. Các loại mây | 01 | Các tiết dạy | GV hướng dẫn HS sử dụng hiệu quả |
| 9 | Sơ đồ tuần hoàn nước và biểu đồ thành phần của thủy quyển | 01 | Các tiết dạy | GV hướng dẫn HS sử dụng hiệu quả |
| 10 | Bản đồ hải lưu ở đại dương thế giới | 01 | Các tiết dạy | GV hướng dẫn HS sử dụng hiệu quả |
| **ĐỊA LÍ 7** | | | | |
| 1 | Máy tính | 01 | Các tiết dạy lí thuyết, thực hành | GV chủ động sử dụng |
| 2 | Ti vi | 01 | Các tiết dạy lí thuyết, thực hành | GV chủ động sử dụng |
| 3 | Bản đồ và các hình ảnh về Thiên nhiên Châu Âu. | 01 | Các tiết dạy | GV hướng dẫn HS sử dụng hiệu quả |
| 4 | Bản đồ dân cư Châu Âu. | 01 | Các tiết dạy | GV hướng dẫn HS sử dụng hiệu quả |
| 5 | Bản đồ tự nhiên châu Á. | 01 | Các tiết dạy | GV hướng dẫn HS sử dụng hiệu quả |
| 6 | Lược đồ các khu vực Châu Á. | 01 | Các tiết dạy | GV hướng dẫn HS sử dụng hiệu quả |
| 7 | Lược đồ tự nhiên châu Phi. | 01 | Các tiết dạy | GV hướng dẫn HS sử dụng hiệu quả |

**4. Phòng học bộ môn/phòng thí nghiệm/phòng đa năng/sân chơi, bãi tập:**

* ***Phân môn Lịch sử***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên phòng** | **Số lượng** | **Phạm vi và nội dung sử dụng** | **Ghi chú** |
| 1 | Phòng Thư viện | 01 | Sinh hoạt tổ/nhóm chuyên môn.  Giảng dạy tiết đọc sách | GV sử dụng theo kế hoạch của tổ/nhóm |
| 2 | Phòng học có gắn ti-vi | 20 | Dạy các bài có sử dụng CNTT: trình chiếu hình ảnh và video, sử dụng phần mềm dạy học. | GV sử dụng theo kế hoạch của tổ/nhóm |
| 3 | Phòng Hội trường | 01 | Dạy các tiết chủ đề, chuyên đề | GV đăng kí sử dụng |
| 4 | Phòng ĐDDH | 01 | Lưu giữ ĐDDH | GV kí mượn - trả |
| 5 | Sân chơi, bãi tập | 01 | - Dạy hoạt động trải nghiệm.  - Tổ chức chuyên đề Lịch sử | Sân chơi, bãi tập |

* ***Phân môn Địa lý***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên phòng** | **Số lượng** | **Phạm vi và nội dung sử dụng** | **Ghi chú** |
| 1 | Phòng Thư viện | 01 | Sinh hoạt tổ/nhóm chuyên môn.  Giảng dạy tiết đọc sách. | GV sử dụng theo kế hoạch của tổ/nhóm |
| 2 | Phòng học có gắn ti-vi | 20 | Dạy các bài có sử dụng CNTT: trình chiếu hình ảnh và video, sử dụng phần mềm dạy học. | GV sử dụng theo kế hoạch của tổ/nhóm |
| 3 | Phòng Hội trường | 01 | Dạy các tiết chủ đề, chuyên đề. | GV đăng kí sử dụng |
| 4 | Phòng ĐDDH | 01 | Lưu giữ ĐDDH. | GV kí mượn - trả |
| 5 | Sân chơi, bãi tập | 01 | Dạy hoạt động trải nghiệm.  Tổ chức chuyên đề Địa lí. | Sân chơi, bãi tập |

**II. KẾ HOẠCH DẠY HỌC**

**1. Phân phối chương trình môn Lịch sử - Địa lí 6**

* ***Phân môn Lịch sử***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Bài học** | **Số tiết** | **Yêu cầu cần đạt** | **Ghi chú** |
| **HỌC KÌ I** | | | | |
| **1** | **BÀI 1.**  **LỊCH SỬ LÀ GÌ?** | **2** | **1. Về kiến thức** - Khái niệm lịch sử và môn Lịch sử. - Vì sao cần thiết phải học môn Lịch sử. - Phân biệt được các nguồn sử liệu cơ bản, ý nghĩa và giá trị của các nguồn sử liệu (tư liệu gốc, truyền miệng, hiện vật, chữ viết). **2. Về năng lực** Năng lực riêng/ đặc thù: Tái hiện kiến thức lịch sử, nhận xét, phân tích. - Năng lực tìm hiểu lịch sử: + Nêu được khái niệm lịch sử và môn Lịch sử. + Hiểu được lịch sử là những gì đã diễn ra trong quá khứ. + Phân biệt được các nguồn sử liệu cơ bản, ý nghĩa và giá trị của các nguồn sử liệu (tư liệu gốc, truyền miệng, hiện vật, chữ viết). + Khai thác một số kênh hình trong bài học. - Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Giải thích được vì sao cần thiết phải học môn Lịch sử. Năng lực chung: giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề.  **3. Về phẩm chất:**  - Giáo dục lòng yêu nước: biết gốc tích tổ tiên, quê hương để từ đó bồi đắp thêm lòng yêu nước. Có thái độ đúng đắn khi tham quan di tích lịch sử, Bảo Tàng  - Giáo dục tinh thần trách nhiệm: biết giữ gìn và bảo tồn các di sản văn hóa. - Giáo dục tính chăm chỉ: tìm hiểu và thu thập các thông tin, hình ảnh trong bài học. |  |
| **2** | **BÀI 2.**  **THỜI GIAN TRONG LỊCH SỬ** | **1** | **1. Về kiến thức** - Cách tính thời thời gian trong lịch sử theo dương lịch và âm lịch.  - Cách tính thời gian theo Công lịch và những quy ước gọi thời gian theo chuẩn quốc tế **2. Về năng lực** Năng lực riêng/ đặc thù - Phát triển năng lực tìm hiểu lịch sử “Quan sát, khai thác và sử dụng thông tin của tư liệu lịch sử được sử dụng trong bài học - Nhận thức và tư duy lịch sử + Nêu được một số khái niệm về thời gian trong lịch sử như thập kỉ, thế kỉ, thiên niên kỉ, trước Công nguyên, Công nguyên, âm lịch, dương lịch. + Hiểu cách tính thời gian theo quy ước chung của thế giới. - Phát triển năng lực vận dụng + Biết đọc, ghi, và tính thời gian theo quy ước chung của thế giới. + Sắp xếp các sự kiện lịch sử theo trình tự thời gian. Năng lực chung: giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề.  **3. Về phẩm chất:**  + Tính chính xác khoa học trong học tập và cuộc sống + Biết quý trọng thời gian đề có trách nhiệm với cuộc sống hiện tại của mình |  |
| **3** | **BÀI 3.**  **NGUỒN GỐC LOÀI NGƯỜI** | **2** | **1. Về kiến thức** - Sự xuất hiện của con người trên Trái Đất – điểm bắt đầu của lịch sử loài người. - Sự hiện diện của Người tối cổ ở Đông Nam Á và Việt Nam. **2. Về năng lực** Năng lực riêng/ đặc thù - Năng lực tìm hiểu lịch sử: + Quan sát khai thác và sử dụng được thông tin một số tư liệu lịch sử - Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử: + Giới thiệu được sơ lược quá trình tiến hóa từ vượn thành người trên Trái Đất + Xác định được những dấu tích của người tối cổ ở Đông Nam Á + Kể tên được những địa điểm tìm thấy dấu tích của người tối cổ trên đất nước Việt Nam  - Năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học: + Lý giải một số vấn đề thực tiễn mà các em quan sát được trong thực tế (các màu da khác nhau trên thế giới) Năng lực chung: giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề.  **3. Về phẩm chất:** Giáo dục bảo vệ môi trường sống tình cảm đối với tự nhiên là nhân loại |  |
| **4** | **BÀI 4.**  **XÃ HỘI NGUYÊN THỦY** | **2** | **1. Về kiến thức**  - Các giai đoạn tiến triển của xã hội người nguyên thuỷ. - Đời sống của người thời nguyên thuỷ (vật chất, tinh thần, tổ chức xã hội...).  - Vai trò của lao động đối với quá trình phát triển của người nguyên thuỷ cũng như của con người và xã hội loài người. - Nêu được đôi nét về đời sống của người nguyên thuỷ trên đất nước Việt Nam **2. Về năng lực** Năng lực riêng/ đặc thù - Năng lực tìm hiểu lịch sử: +Quan sát, khai thác và sử dụng được thông tin của tư liệu lịch sử được sử dụng trong bài học - Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử + Mô tả được sơ lược các giai đoạn tiến triển của xã hội nguyên thủy + Trình bày được những nét chính về đời sống của con người thời nguyên thủy trên thế giới và Việt Nam - Năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học + Phân biệt được rìu tay với hòn đá tự nhiên +Gia đình trải nghiệm cách sử dụng công cụ lao động **3. Về phẩm chất:** +Ý thức bảo vệ rừng + Biết ơn con người xa xưa đã phát minh ra lửa, lương thực thực... |  |
| **5** | **BÀI 5.**  **SỰ CHUYỂN BIẾN TỪ XÃ HỘI NGUYÊN THỦY SANG XÃ HỘI CÓ GIAI CẤP** | **2** | **1. Về kiến thức** - Quá trình phát hiện ra kim loại và vai trò của kim loại đối với sự chuyển biến từ xã hội nguyên thuỷ sang xã hội có giai cấp. - Sự tan rã của xã hội nguyên thuỷ  - Sự hình thành xã hội có giai cấp trên thế giới và ở Việt Nam. - Sự phân hoá không triệt để của xã hội nguyên thuỷ ở phương Đông **2. Về năng lực** Năng lực riêng/ đặc thù - Năng lực tìm hiểu lịch sử: biết quan sát, khai thác và sử dụng được thông tin của tư liệu lịch sử được sử dụng trong bài học - Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử + Trình bày được quá trình phát triển ra kim loại và vai trò của kim loại đối với sự chuyển biến từ xã hội nguyên thủy trang xã hội có giai cấp  + Giải thích được vì sao xã hội nguyên thuỷ tan rã. + Nêu được một số nét cơ bản của xã hội nguyên thủy Việt Nam trong quá trình tan rã - Năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học: + Tập tìm hiểu lịch sử giống như một nhà sử học (Viết văn bản lịch sử dựa trên Chứng cứ lịch sự̉) Năng lực chung: giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề.   **3. Về phẩm chất:** Tình cảm đối với thiên nhiên và nhân loại. tôn trọng những giá trị nhân bản của loài người nhưng sự bình đẳng trong xã hội, tôn trọng di sản văn hóa của tổ tiên để lại |  |
| **6** | **BÀI 6.**  **AI CẬP CỔ ĐẠI** | **2** | **1. Về kiến thức** + Điều kiện tự nhiên của Ai Cập cổ đại + Quá trình thành lập nhà nước Ai Cập cổ đại  + Những thành tựu văn hóa tiêu biểu của cư dân Ai Cập cổ đại **2. Về năng lực** Năng lực riêng/ đặc thù - Năng lực tìm hiểu lịch sử: + Biết quan sát, khai thác và sử dụng được thông tin của tư liệu lịch sử được sử dụng trong bài học - Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử: + Trình bày được những tác động của điều kiện tự nhiên với sự hình thành Ai Cập cổ đại + Trình bày được quá trình thành lập nhà nước của người Ai cập  Năng lực chung: tự chủ và tự học (Thích ứng với cuộc sống) qua việc HS biết liên hệ thực tiễn về vai trò của nguồn nước, đất đai đối với sự phát triển của những cộng đồng dân cư và với cá nhân.  **3. Về phẩm chất:** Trân trọng những cống hiến mang tính tiên phong của nhân loại và bảo vệ những giá trị văn hóa của nhân loại |  |
| **7** | **BÀI 7.**  **LƯỠNG HÀ CỔ ĐẠI** | **1** | **1. Về kiến thức** + Điều kiện tự nhiên của Lưỡng Hà cổ đại + Quá trình thành lập nhà nước Lưỡng Hà cổ đại + Những thành tựu văn hóa tiêu biểu của cư dân Lưỡng Hà cổ đại **2. Về năng lực** Năng lực riêng/ đặc thù - Năng lực tìm hiểu lịch sử: Biết quan sát, khai thác và sử dụng được thông tin của tư liệu lịch sử được sử dụng trong bài học + Nêu được những thành tựu chủ yếu về văn hóa ở Lưỡng Hà + Nêu được những tác động của điều kiện tự nhiên với sự hình thành Lưỡng Hà cổ đại - Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử: + Trình bày được quá trình thành lập và nước của người Lưỡng Hà - Năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học: Học sinh phát triển năng lực vận dụng kiến thức kỹ năng đã học qua việc hoàn thành hoạt động  Năng lực chung: giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề.   **3. Về phẩm chất:** Biết quan sát, khai thác và sử dụng được thông tin của tư liệu lịch sử được sử dụng trong bài học Giáo dục tinh thần chung sống hòa bình giữa các cộng đồng cư dân khác nhau |  |
| **8** | **ÔN TẬP KT**  **GIỮA HỌC KÌ I** | **1** | **1. Về kiến thức:** Yêu cầu cần đạt từ bài 1 đến bài 7.  **2. Về năng lực:** Rèn luyện kỉ năng nêu và đánh giá vấn đề, so sánh... **3. Về phẩm chất:** Giáo dục học sinh tính tự học, tự rèn, tính trung thực và tự giác trong kiểm tra… |  |
| **9** | **BÀI 8.**  **ẤN ĐỘ CỔ ĐẠI** | **2** | **1. Về kiến thức** + Vị trí địa lí và điều kiện tự nhiên của Ấn Độ cổ đại. + Xã hội Ấn Độ cổ đại. + Những thành tựu văn hoá tiêu biểu. **2. Về năng lực** Năng lực riêng/ đặc thù - Năng lực tìm hiểu lịch sử: Biết quan sát, khai thác và sử dụng được thông tin của tư liệu lịch sử được sử dụng trong bài học + Nêu được điều kiện tự nhiên của lưu vực sông Ấn Sông Hằng + Nêu được những thành tựu văn hóa tiêu biểu của Ấn Độ - Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử:  + Trình bày được những điểm chính về chế độ xã hội của Ấn Độ - Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: HS phát triển năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học qua việc hoàn thành hoạt động 3 trang 45 về việc liên hệ kiến thức đã học vào thực tế Năng lực chung: giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề.   **3. Về phẩm chất:** Giáo dục sự tôn trọng những tín ngưỡng tôn giáo khác nhau khi nó cổ thành niềm tin của một cộng đồng. |  |
| **10** | **BÀI 9.**  **TRUNG QUỐC TỪ THỜI CỔ ĐẠI ĐẾN THẾ KỈ VII** | **2** | **1. Về kiến thức** +Điều kiện tự nhiên của Trung Quốc cổ đại. + Sơ lược tiến trình lịch sử Trung Quốc từ thời cổ đại đến thế kỷ 7. + Thành tựu văn hoá tiêu biểu của Trung Quốc thời kỳ này. **2. Về năng lực** Năng lực riêng/ đặc thù - Năng lực tìm hiểu lịch sử: Biết quan sát, khai thác và sử dụng được thông tin của tư liệu lịch sử được sử dụng trong bài học + Nêu được những thành tựu chủ yếu của văn minh Trung Quốc trước thế kỉ VII  - Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử:  + Trình bày được những đặc điểm về điều kiện tự nhiên của Trung Quốc cổ đại + Mô tả được sơ lược quá trình thống nhất và sự xác lập chế độ phong kiến dưới thời Tần Thủy Hoàng + Xây dựng được đường thời gian từ đế chế Hán, Nam- Bắc triều đến thời nhà Tùy - Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: + Biết trình bày và giải thích thích chủ kiến về vai trò của nhà Tần; về tư tưởng “tiên học lễ, hậu học văn”  + Vận dùng hiểu biết để làm rõ vai trò của các phát minh kỹ thuật làm giấy đối với xã hội hiện đại Năng lực chung: giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề.   **3. Về phẩm chất:** + Có thái độ khách quan trong nhìn nhận các nhân vật và sự kiện lịch sử + Có ý thức tôn trọng và học hỏi cái hay, cái đẹp trong văn hóa của các dân tộc kh khác |  |
| **11** | **KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ I** | | |  |
| **12** | **BÀI 10.**  **HY LẠP CỔ ĐẠI** | **2** | **1. Về kiến thức** + Điều kiện tự nhiên của Hy lạp + Nhà nước Hy Lạp cổ đại  + Những thành tựu văn hóa tiêu biểu của Hy lạp thời kỳ này **2. Về năng lực** Năng lực riêng/ đặc thù - Năng lực tìm hiểu lịch sử: Biết quan sát, khai thác và sử dụng được thông tin của tư liệu lịch sử được sử dụng trong bài học + Kể tên được các nhân vật nổi tiếng  - Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử:  + Giải thích được những tác động của điều kiện tự nhiên đến sự phát triển của Hy Lạp cổ đại  - Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử:  + Nêu được những thành tựu tiêu biểu của văn hóa Hy Lạp cổ đại con ảnh hưởng đến thế giới ngày nay - Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: + Sử dụng kiến thức Toán học để giải quyết câu hỏi phần luyện tập  + Biện pháp sử dụng các kiến thức đã học trong bài để giải quyết các câu hỏi phần luyện tập và vận dụng Năng lực chung: giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề.   **3. Về phẩm chất**: Có thái độ trân trọng và đánh giá đúng đắn những công việc mang tính tiên phong của người Hy Lạp đối với thế giới |  |
| **13** | **BÀI 11.**  **LA MÃ CỔ ĐẠI** | **2** | **1. Về kiến thức** + Điều kiện tự nhiên của La mã cổ đại + Tiến trình phát triển của nhà nước La Mã từ cộng hòa tới Đế Chế  + Những thành tựu văn hóa tiêu biểu của La Mã thời kỳ này **2. Về năng lực** Năng lực riêng/ đặc thù - Năng lực tìm hiểu lịch sử: + Kỹ năng đọc hiểu bản đồ lược đồ + Nêu được những thành tựu nổi bật về văn hóa của La Mã - Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử  + Nêu và nhận xét được ảnh hưởng của điều kiện tự nhiên tới sự phát triển của La Mã + Trình bày được cơ cấu tổ chức nhà nước để chế ở La Mã cổ đại Năng lực chung: giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề.   **3. Về phẩm chất:** Có ý thức thức Tôn trọng các di sản văn hóa trên thế giới; khâm phục sức lao động sáng tạo của nhân dân qua các thời kỳ. Hiểu được La Mã không xây dựng trong một ngày, Vì thế nếu học sinh không ngừng chăm chỉ cố gắng, các em cũng có thể nên những điều kỳ diệu |  |
| **14** | **BÀI 12.**  **CÁC QUỐC GIA Ở ĐÔNG NAM Á TRƯỚC THẾ KỈ X** | **2** | **1. Về kiến thức** + Vị trí địa lý của các khu vực Đông Nam Á + Sự ra đời của các vương quốc cổ ở Đông Nam Á trước Thế Kỷ VII  + Một số đặc điểm căn bản về quá trình hình thành và phát triển của các vương quốc phong kiến ở Đông Nam Á từ thế kỷ VII đến thế kỷ X  **2. Về năng lực** Năng lực riêng/ đặc thù - Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử:  + Trình bày được vị trí địa lý của khu vực + Miêu tả được sự xuất hiện của các vương quốc cổ trước thế kỷ VII  + Nêu được sự hình thành và phát triển ban đầu của các vương quốc phong kiến từ thế kỷ VII đến thế kỷ X - Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: + Vận dụng kiến thức để liên hệ với hiện tại (mối liên hệ giữa các giai cấp cổ, vương quốc phong kiến quốc gia Đông Nam Á hiện tại) + Vận dụng kiến thức vào một trường hợp cụ thể để (vấn đề dòng chảy của sông Mê Kông trên địa bàn các quốc gia Đông Nam Á) Năng lực chung: giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề.   **3. Về phẩm chất:** + Nhân ái, biết tôn trọng sự khác biệt giữa các nền văn hóa, học hỏi để hòa nhập + Có ý thức bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa chung của khu vực Đông Nam Á + Giáo dục tinh thần chung thống nhất của khu vực và hướng tới cộng đồng chung Asean |  |
| **15** | **BÀI 13.**  **GIAO LƯU THƯƠNG MẠI VÀ VĂN HÓA Ở ĐÔNG NAM Á TỪ ĐẦU CÔNG NGUYÊN ĐẾN THẾ KỈ X** | **2** | **1. Về kiến thức** Mối liên hệ giữa khu vực Đông Nam Á với thế giới bên ngoài từ đầu công nguyên đến thế kỷ 10 **2. Về năng lực** Năng lực riêng/ đặc thù - Năng lực tìm hiểu lịch sử: Kỹ năng đọc bản đồ (chỉ ra con đường quốc tế trên vùng biển Đông Nam Á trước thế kỷ X) - Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử:  + Trình bày được con đường giao thương trên biển ở khu vực Đông Nam Á  - Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Xác định được chủ quyền biển Đông thuộc về vương quốc nào ngày xưa và vương quốc nào ngày nay  Năng lực chung: giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề.  **3. Về phẩm chất:**  + Trách nhiệm: từ sự thật lịch sử về con đường giao thương và giao lưu văn hóa ở Đông Nam Á, giáo dục chủ quyền biển đảo cho học sinh + Nhân ái: giáo dục tinh thần chia sẻ giữa các nền văn hóa (học hỏi, hoa nhập, tập sống Thôn Tính, không xâm lược) |  |
| **16** | **ÔN TẬP CUỐI**  **HỌC KÌ I** |  | **1. Về kiến thức:** - Phân môn lịch sử từ bài 10 đến bài 13.  - Phân môn địa lí từ bài 6 đến bài 13. **2. Về năng lực:** Rèn luyện kỉ năng nêu và đánh giá vấn đề, so sánh... **3. Về phẩm chất:** Giáo dục học sinh tính tự học, tự rèn, tính trung thực và tự giác trong kiểm tra… |  |
| **KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I** | | | |
| **HỌC KÌ II** | | | | |
| **17** | **BÀI 14.**  **NHÀ NƯỚC VĂN LANG, ÂU LẠC** | **3** | **1. Về kiến thức** + Quá trình dựng nước và buổi đầu giữa của tổ tiên người Việt + Những nhà nước cổ đại đầu tiên của người Việt: nước Văn Lang và nước Âu Lạc  + Những phong tục trong văn hóa Việt Nam hình thành từ thời Văn Lang Âu Lạc  **2. Về năng lực** Năng lực riêng/ đặc thù - Năng lực tìm hiểu lịch sử: Nhận diện, phân biệt, một cái thác và sử dụng được thông tin có trong các loại hình tư liệu cấu thành nên bài học + Nêu được khoảng thời gian thành lập nước Văn Lang Âu Lạc + Xác định được phạm vi không gian của nước Văn Lang Âu Lạc - Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử:  + Trình bày được tổ chức nhà nước của Văn Lang Âu Lạc - Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: + Xác định được phạm vi không gian của nước Văn Lang Âu Lạc trên bản đồ hoặc lược đồ  - Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:  + Liên hệ được với kiến thức địa lý để làm rõ ý nghĩa của sông Hồng đối với cuộc sống của người Việt cổ + Liên hệ được những phong tục trong văn hóa Việt Nam hiện nay kế thừa từ thời Văn Lang Âu Lạc Năng lực chung: giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề.   **3. Về phẩm chất:** + Có ý thức trách nhiệm giữ gìn, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa dân tộc + Yêu nước, ghi nhớ công ơn xây dựng đất nước của tổ tiên |  |
| **18** | **BÀI 15.**  **ĐỜI SỐNG CỦA NGƯỜI VIỆT THỜI KÌ VĂN LANG, ÂU LẠC** | **2** | **1. Về kiến thức** + Đời sống vật chất tinh thần của người Việt thời Văn Lang Âu Lạc  + Đặc trưng văn hóa của người Việt hình thành từ thời Văn Lang **2. Về năng lực** Năng lực riêng/ đặc thù - Năng lực tìm hiểu lịch sử: Nhận diện, phân biệt, một cái thác và sử dụng được thông tin có trong các loại hình tư liệu cấu thành nên bài học; Hình ảnh ảnh sơ đồ lược đồ - Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử:  + Mô tả được đời sống vật chất và tinh thần của cư dân Văn Lang Âu Lạc  + Trình bày đặc điểm đặc trưng kinh tế, văn hóa dân tộc đã được hình thành từ thời kỳ này  - Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: liên hệ được những yếu tố văn hóa truyền thống từ thời Văn Lang Âu Lạc vẫn được nuôi dưỡng trong xã hội Việt Nam ngày nay  Năng lực chung: giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề.   **3. Về phẩm chất:** + Có ý thức trách nhiệm giữ gìn, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa dân tộc + Sẵn sàng góp sức mình xây dựng và bảo vệ tổ quốc |  |
| **19** | **BÀI 16.**  **CHÍNH SÁCH CAI TRỊ CỦA PHONG KIẾN PHƯƠNG BẮC VÀ SỰ CHUYỆN BIẾN CỦA VIỆT NAM THỜI KÌ BẮC THUỘC** | **2** | **1. Về kiến thức** + Chính sách cai trị của các triều đại phong kiến phương Bắc: Tổ chức bộ máy cai trị, chính sách bóc lột về kinh tế ra văn hóa về văn hóa xã hội  + Những chuyển biến về kinh tế, thế xã hội, I văn hóa ở Việt Nam thời Pháp thuộc + Cuộc chiến chống đồng hóa, Tiếp thu văn hóa bên ngoài và bảo tồn văn hóa Việt **2. Về năng lực** Năng lực riêng/ đặc thù - Năng lực tìm hiểu lịch sử: Nhận diện, phân biệt, một cái thác và sử dụng được thông tin có trong các loại hình tư liệu cấu thành nên bài học; Hình ảnh ảnh sơ đồ lược đồ - Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử:  + Trình bày được một số chính sách cai trị của phong kiến phương Bắc thời Bắc thuộc Năng lực chung: giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề.   **3. Về phẩm chất:** + Có ý thức trách nhiệm giữ gìn, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa dân tộc + Sẵn sàng góp sức mình xây dựng và bảo vệ tổ quốc |  |
| **20** | **BÀI 17.**  **ĐẤU TRANH BÀO TỒN VÀ PHÁT TRIỂN VĂN HOÁ DÂN TỘC THỜI BẮC THUỘC** |  | **1. Về kiến thức** Cuộc đấu tranh và bảo vệ về văn hoá của nhân dân Việt Nam trong thời kì Bắc thuộc. **2. Về năng lực** Năng lực riêng/ đặc thù - Năng lực tìm hiểu lịch sử: Giải mã các tư liệu lịch sử kênh hình và chữ viết có trong bài - Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử:  + Giới thiệu được những nét chính của cuộc đấu tranh về văn hóa của dân tộc Việt Nam thời Bắc thuộc  + Giới thiệu được những nét chính của cuộc bảo vệ bản sắc văn hóa của dân tộc Việt Nam thời Bắc thuộc - Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Vai trò của tiếng Việt trong bảo tồn văn hóa việt ở cả quá khứ và hiện tại Năng lực chung: giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề.   **3. Về phẩm chất:** + Có ý thức trách nhiệm giữ gìn, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa dân tộc + Yêu nước, sẵn sàng góp sức mình xây dựng và bảo vệ tổ quốc |  |
| **21** | **BÀI 18.**  **CÁC CUỘC ĐẤU TRANH GIÀNH ĐỘC LẬP DÂN TỘC TRƯỚC THẾ KỈ X** | **5** | **1. Về kiến thức** Nguyên nhân, diễn biến, kết quả và ý nghĩa các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu trong công cuộc đấu tranh giành độc lập của nhân dân ta trước thế kỉ X **2. Về năng lực** Năng lực riêng/ đặc thù - Năng lực tìm hiểu lịch sử: Cách sử dụng lược thông tin của các lược đồ, sơ đồ khởi nghĩa trong bài nêu được kết quả, ý nghĩa của các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu - Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử:  + Giải thích được nguyên nhân của các cuộc khởi nghĩa + Trình bày được những diễn biến chính của các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu + Lập được biểu đồ, sơ đồ vì các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu - Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: học sinh phát triển năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học học qua việc tham gia tập vận dụng Năng lực chung: giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề.   **3. Về phẩm chất:** Yêu nước, sẵn sàng góp sức mình xây dựng và bảo vệ tổ quốc |  |
| **22** | **ÔN TẬP GIỮA**  **HỌC KÌ II** |  | **1. Về kiến thức:** Yêu cầu cần đạt bài 14 đến bài 18.  **2. Về năng lực:** Rèn luyện kỉ năng nêu và đánh giá vấn đề, so sánh... **3. Về phẩm chất:** Giáo dục học sinh tính tự học, tự rèn, tính trung thực và tự giác trong kiểm tra… |  |
| **KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II** | | | |
| **BÀI 19.**  **BƯỚC NGOẶT LỊCH SỬ ĐẦU THẾ KỈ X** | **2** | **1. Về kiến thức** Những sự kiện dẫn đến bước ngoặt trong công cuộc đấu tranh giành độc lập của dân tộc ta vào thế kỉ X **2. Về năng lực** Năng lực riêng/ đặc thù - Năng lực tìm hiểu lịch sử: khai thác và sử dụng những thông tin của một số tư liệu lịch sử đơn giản trong bài - Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử:  + Trình bày được những nét chính (nội dung, kết quả) về các cuộc vận động giành quyền tự chủ của nhân dân Việt Nam dưới sự lãnh đạo của họ Khúc và họ Dương. Năng lực chung: giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề.   **3. Về phẩm chất:** Yêu nước, sẵn sàng góp sức mình xây dựng và bảo vệ tổ quốc |  |
| **BÀI 20.**  **VƯƠNG QUỐC CHĂM-PA TỪ THẾ KỈ II ĐẾN THẾ KỈ X** | **3** | **1. Về kiến thức** + Lịch sử hình thành và phát triển của vương quốc cổ Cham Pa  + Những nét đặc sắc về kinh tế, xã hội của cư dân Cham Pa  + Một số thành tựu văn hóa Cham pa **2. Về năng lực** Năng lực riêng/ đặc thù - Năng lực tìm hiểu lịch sử: Biết cách khai thác sử dụng các tư liệu để tiếp nhận kiến thức - Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử: + Mô tả được sự thành lập, quá trình phát triển của Champa. Năng lực chung: giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề.   **3. Về phẩm chất:** + Có ý thức trách nhiệm giữ gìn và phát huy những tinh hoa văm hóa chămpa + Giáo dục tinh thần tương thân tương ái giữa các cộng đồng người có chung số phận lịch sử và chung lãnh thổ |  |
| **BÀI 21.**  **VƯƠNG QUỐC CỔ PHÙ NAM** | **2** | **1. Về kiến thức** + Qua trình hình thành, phát triển suy vong của vương quốc Phù Nam  + Những nét chính về tổ chức xã hội và kinh tế của phù Nam;  + Một số thành tựu văn hóa của Phù Nam  **2. Về năng lực** Năng lực riêng/ đặc thù - Năng lực tìm hiểu lịch sử: Khai thác và sử dụng được tư liệu để dựng lên bức tranh lịch sử gần đúng với sự thật nhất về thời kỳ Phù nam trên đồng bằng sông Cửu Long; nêu được một số thành tựu văn hoá của Phù Nam. - Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử: + Mô tả được sự thành lập, quá trình phát triển và suy vong của Phù Nam. + Trình bày được những nét chính về tổ chức xã hội và kinh tế của Phù Nam. Năng lực chung: giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề.   **3. Về phẩm chất:** Giáo dục niềm tự hào về vùng đất Nam bộ xưa - cữa ngõ giao lưu văn hóa thế giới của khu vực Đông Nam Á và có ý thức, trách nhiệm giữ gìn, phát huy những tinh hoa văn hóa Óc Eo |  |
| **ÔN TẬP CHƯƠNG 5 (2 TIẾT )** | | |  |
| **26** | **ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ II** | | |  |

* ***Phân môn Địa lý***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Bài học** | | **Số tiết** | | **Yêu cầu cần đạt** | **Ghi chú** | |
| **HỌC KÌ I** | | | | | | | |
| **1** | | **BÀI MỞ ĐẦU**  **– TẠI SAO CẦN HỌC ĐỊA LÍ?** | | **1** | **1.Kiến thức**  - Hiểu được tầm quan trọng của việc nắm vững các khái niệm cơ bản, các kĩ năng địa lí trong học tập và sinh hoạt.  - Hiểu được ý nghĩa và sự lí thú của việc học môn Địa lí.  - Nêu được vai trò của địa lí trong cuộc sống, có cái nhìn khách quan về thế giới quan và giải quyết các vấn đề trong cuộc sống  **2. Năng lực**  - Năng lực chung: năng lực tự chủ và tự học, giải quyết vấn đề và sáng tạo, giao tiếp và hợp tác.  - Năng lực riêng:  + Sử dụng sơ đồ, hình ảnh, thông tin để trình bày nội dung kiến thức  + Liên hệ với thực tế, bản thân.  **3. Phẩm chất**  Yêu thích môn học, có niềm hứng thú với việc tìm hiểu các sự vật, hiện tượng địa riêng và trong cuộc sống nói chung. | |  |
| **2** | | **BÀI 1.**  **HỆ THỐNG KINH, VĨ TUYẾN VÀ TOẠ ĐỘ ĐỊA LÍ** | | **2** | **1. Kiến thức**  - Xác định được trên bản đồ và trên quả Địa Cầu: kinh tuyến gốc, xích đạo, các bán cầu.  - Nhận biết được một số lưới kinh vĩ tuyến của bản đồ thế giới  - Ghi được tọa độ địa lí của một điểm trên bản đồ.  **2. Năng lực**  - Năng lực chung: giải quyết vấn đề, giao tiếp và hợp tác, tự chủ và sáng tạo  - Năng lực riêng:  + Xác định được trên bản đồ và trên quả Địa Cầu: kinh tuyến gốc, xích đạo, các bán cầu.  + Nhận biết được một số lưới kinh vĩ tuyến của bản đồ thế giới  **3. Phẩm chất:** Có ý thức vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học ở nhà trường vào cuộc sống | |  |
| **3** | | **BÀI 2.**  **KÍ HIỆU VÀ CHÚ GIẢI TRÊN MỘT SỐ BẢN ĐỒ THÔNG DỤNG** | | **2** | **1. Kiến thức**  - Biết đọc các kí hiệu bản đồ và chú giải bản đồ hành chính, bản đồ địa hình.  - Biết đọc các kí hiệu bản đồ và chú giải bản đồ hành chính, bản đồ địa hình.  **2. Năng lực**  **\* Năng lực chung**  **-** Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập.  **-** Năng lực giao tiếp và hợp tác: biết chủ động đưa ra ý kiến giải pháp khi được giao nhiệm vụ để hoàn thành tốt khi làm việc nhóm.  **\* Năng lực Địa Lí**  - Hiểu được ý nghĩa của kí hiệu bản đồ  - Phân biệt được các loại kí hiệu bản đồ  - Sử dụng được bảng chú giải và hệ thống kí hiệu để đọc một số bản đồ thông dụng  **3. Phẩm chất**  - Có ý thức vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học ở nhà trường vào học tập và cuộc sống. | |  |
| **4** | | **BÀI 3.**  **TÌM ĐƯỜNG ĐI TRÊN BẢN ĐỒ** | | **2** | **1. Kiến thức**  - Biết xác định phương hướng trên bản đồ và tính khoảng cách thực tế giữa hai địa điểm trên bản đồ theo tỉ lệ bản đồ.  - Biết đọc bản đồ, xác định được vị trí của đối tượng địa lí trên bản đồ.  - Biết tìm đường đi trên bản đồ.  **2. Năng lực**  **\* Năng lực chung**  - Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết vấn đề trong tình huống mới  **\* Năng lực Địa Lí**  - Biết xác định phương hướng trên bản đồ và tính khoảng cách thực tế giữa hai điểm trên bản đồ theo tỉ lệ bản đồ.  - Biết đọc bản đồ, xác định được vị trí của đối tượng địa lí trên bản đồ.  **3. Phẩm chất**  -Trách nhiệm: thực hiện tốt các nhiệm vụ học tập, có ý thức tuyên truyền cho người thân về những giá trị mà bài học mang lại.  - Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học vào trong học tập và cuộc sống. | |  |
| **5** | | **BÀI 4.**  **LƯỢC ĐỒ TRÍ NHỚ** | | **1** | **1. Kiến thức**:  Vẽ được lược đồ trí nhớ thể hiện các đối tượng địa li thân quen với học sinh.  **2. Năng lực**  \* Năng lực Địa Lí  -Biết được lược đồ trí nhớ.  - Hiểu được cách tạo ra lược đồ trí nhớ  -Vẽ được lược đồ trí nhớ thể hiện các đối tượng địa li thân quen với học sinh.  \* Năng lực chung  Vận dụng kiến thức, kĩ năng giải quyết vấn đề trong tình huống mới  **3. Phẩm chất**  Có ý thức vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học trong nhà trường vào học tập và cuộc sống | |  |
| **6** | | **BÀI 5.**  **VỊ TRÍ TRÁI ĐẤT TRONG HỆ MẶTTRỜI.**  **HÌNH DẠNG,**  **KÍCH THƯỚC CỦA TRÁI ĐẤT** | | **1** | **1. Năng lực**:  - Xác định được vị trí của Trái Đất trong hệ Mặt Trời: vị trí, tương quan với các hành tỉnh khác,...  - Mô tả được hình dạng, kích thước của Trái Đất.  - Hình thành và phát triển năng lực tự chủ và tự học, tự tìm tòi kiến thức thông qua các hoạt động học tập.  - Dần hình thành năng lực giao tiếp và hợp tác thông qua hoạt động nhóm.  - Năng lực tìm hiểu địa lí: nhận thức thế giới theo quan điểm không gian: biết xác định vị trí của Trái Đất trong hệ Mặt Trời; mô tả được hình dạng và kích thước của Trái Đất.  - Sử dụng các công cụ: hình vẽ, tranh ảnh, video clip từ góc nhìn địa lí.  **2. Phẩm chất**  -Có ý thức bảo vệ hành tinh xanh, tự tin trong cuộc sống | |  |
| **7** | | **BÀI 6.**  **CHUYỂN ĐỘNG TỰ QUAY QUANH TRỤC CỦA TRÁI ĐẤT VÀ HỆ QUẢ** | | **2** | **1.Kiến thức**  - Chuyển động tự quay quanh trục của Trái Đất.  - Các hệ quả sinh ra từ chuyển động quay quanh trục của Trái đất:  + Hiện tượng ngày, đêm luân phiên nhau  + Giờ trên Trái đất  + Sự lệch hướng chuyển động của vật thể theo chiều kinh tuyến  **2. Năng lực**  - Năng lực chung: Năng lực tự chủ và tự học  - Năng lực riêng:  + Mô tả được chuyển động tự quay quanh trục của Trái Đất.  + Trình bày được hiện tượng ngày đêm luân phiên nhau.  + Nhận biết được giờ địa phương/giờ khu vực.  + So sánh được giờ của hai địa điểm trên Trái Đất.  **3. Phẩm chất**  -Tôn trọng quy luật khách quan, tôn trọng sự khác biệt do sự bất tiện của chênh lệch múi giờ trên Trái đất. | |  |
| **8** | | **BÀI 7.**  **CHUYỂN DỘNG CỦA TRÁI ĐẤT QUANH MẶT TRỜI VÀ HỆ QUẢ** | | **2** | **1. Kiến thức:**  - Mô tả được chuyển động của Trái Đất quanh Mặt Trời: hướng, thời gian,..  - Mô tả được hiện tượng mùa: mùa ở các vùng vĩ độ và các bán cầu.  - Trình bày được hiện tượng ngày đêm đài ngắn theo mùa và theo vĩ độ  **2. Năng lực**  **\* Năng lực chung**  **-** Năng lực tự chủ và tự học: Biết chủ động tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập.  **-** Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết chủ động đưa ra ý kiến giải pháp khi được giao nhiệm vụ làm việc theo nhóm.  **\* Năng lực địa lí**  - Năng lực tìm hiểu địa lí:  + Mô tả được đặc điểm của chuyển động của TĐ quanh MT về hướng chuyển động, thời gian, hình dạng quỹ đạo, đặc điểm của trục TĐ.  + Trình bày được hiện tượng ngày đêm dài ngắn khác nhau theo mùa.  - Năng lực nhận thức khoa học địa lí: Biết dùng quả Địa Cầu và mô hình hoặc hình vẽ TĐ để trình bày đặc điểm chuyển động và hệ quả của TĐ quanh MT.  - Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Biết cách thích ứng với thời tiết của từng mùa ở các nửa cầu, liên hệ thực tế Việt Nam.  **3. Phẩm chất**  -Trách nhiệm: Tôn trọng các quy luật tự nhiên, yêu thiên nhiên, yêu thích tìm hiểu và khám phá tự nhiên.  - Chăm chỉ: Tích cực, chủ động trong các hoạt động học tập | |  |
| **9** | | **ÔN TẬP KT**  **GIỮA HỌC KÌ I** | | **1** | **1. Về kiến thức:** Yêu cầu cần đạt từ bài 1 đến bài 7. **2. Về năng lực:** Rèn luyện kỉ năng nêu và đánh giá vấn đề, so sánh... **3. Về phẩm chất:** Giáo dục học sinh tính tự học, tự rèn, tính trung thực và tự giác trong kiểm tra… | |  |
| **10** | | **BÀI 8.**  **THỰC HÀNH XÁC ĐỊNH PHƯƠNG HƯỚNG NGOÀI THỰC TẾ** | | **1** | - Học sinh biết cách xác định phương hướng trên bản đồ.  - Học sinh biết tính khoảng cách ngoài thực địa. | |  |
| **11** | | **BÀI 9.**  **CẤU TẠO CỦA TRÁI ĐẤT.**  **ĐỘNG ĐẤT VÀ NÚI LỬA** | | **2** | **1. Kiến thức**  - Trình bày được cấu tạo của Trái Đất  - Xác định được trên lược đồ các mảng kiến tạo lớn, đới tiếp giáp của hai mảng xô vào nhau.  - Biết tìm kiếm thông tin về các thảm hoạ thiên nhiên do động đất và núi lửa gây ra vào nhau  **2. Năng lực**  **\* Năng lực chung**  **-** Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập.  **-** Năng lực giao tiếp và hợp tác: biết chủ động đưa ra ý kiến giải pháp khi được giao nhiệm vụ để hoàn thành tốt khi làm việc nhóm.  **\* Năng lực Địa Lí**  - Năng lực tìm hiểu địa lí: - Nêu và xác định được trên lược đổ tên 7 địa mảng (mảng kiến tạo) lớn của vỏ Trái Đấtvà tên các cặp địa mảng xô vào nhau.- Sử dụng hình ảnh để xác định được cấu tạo bên trong của Trái Đất.  **3. Phẩm chất**  -Trách nhiệm: Yêu khoa học, ham học hỏi, tìm tòi.  - Chăm chỉ: tích cực, chủ động trong các hoạt động học  - Nhân ái: Chia sẻ, cảm thông với những sự khó khăn, thách thức của những vấn đề liên quan đến nội dung bài học. | |  |
| **12** | | **BÀI 10.**  **QUÁ TRÌNH NỘI SINH VÀ NGOẠI SINH.**  **CÁC DẠNG ĐỊA HÌNH CHÍNH. KHOÁNG SẢN** | | **3** | **1. Kiến thức:**  - Phân biệt được quá trình nội sinh và ngoại sinh.  - Kể được tên một số loại khoáng sản.  - Giá trị của các loại khoáng sản  **2. Năng lực**  **\* Năng lực chung**  **-** Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập.  **\* Năng lực Địa Lí**  - Nhận thức khoa học địa lí: qua thông tin, hình ảnh, sơ đồ....  **3. Phẩm chất**  -Trách nhiệm: Tôn trọng quy luật tự nhiên. | |  |
| **13** | | **BÀI 11.**  **THỰC HÀNH ĐỌC LƯỢC ĐỒ ĐỊA HÌNH TỈ LỆ LỚN VÀ LÁT CẮT ĐỊA HÌNH ĐƠN GIẢN** | | **1** | - Chuẩn bị được các điều kiện cho bài thực hành  - Đọc lược đồ địa hình tỉ lệ lớn và lát cắt đơn giản.  - Biết vận dụng những kiến thức đã học vào thực tiễn. | |  |
| **14** | | **BÀI 12.**  **LỚP VỎ KHÍ. KHỐI KHÍ, KHÍ ÁP VÀ GIÓ TRÊN TRÁI ĐẤT** | | **3** | **1. Kiến thức**  - Hiểu đuợc vai trò của oxy, hơi nước và khí carbonic trong khí quyển.  - Biết cách sử dụng khí áp kế.  - Có ý thúc bảo vệ bầu khi quyển và lớp ô-dôn  **2. Năng lực**  **\* Năng lực chung**  **-** Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập.  **\* Năng lực Địa Lí**  - Năng lực tìm hiểu địa lí:  **3. Phẩm chất**  -Trách nhiệm:  - Chăm chỉ: tích cực, chủ động trong các hoạt động học  - Nhân ái: Chia sẻ, cảm thông với những sự khó khăn, thách thức của những vấn đề liên quan đến nội dung bài học. | |  |
| **15** | | **BÀI 13.**  **THỜI TIẾT VÀ KHÍ HẬU. CÁC ĐỚI KHÍ HẬU TRÊN TRÁI ĐẤT** | | **2** | **1. Kiến thức:**  - Nguồn cung cấp của nhiệt độ không khí.  - Thiết bị đo nhiệt đọ không khí  **2. Năng lực**  \*Năng lực chung: giải quyết vấn đề, giao tiếp và hợp tác, tự chủ và sáng tạo.  \*Năng lực riêng:  Nhận thức khoa học địa lý: Trình bày và giải thích được sự thay đổi nhiệt độ không khí theo vĩ độ; biết cách đọc nhiệt kế, ẩm kế; phân biệt được thời tiết và khí hậu.  **3. Phẩm chất**  - Có lối sống tích cực để giảm nhẹ và thích ứng với sự thay đổi của thời tiết, khí hậu, bảo vệ bầu khí quyển.  - Hình thành và phát triển cho HS các phẩm chất như: trung thực, chăm chỉ. | |  |
| **HỌC KÌ II** | | | | | | | |
| **16** | | **BÀI 14.**  **BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU VÀ ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU** | | **1** | **1. Kiến thức**:  - Nêu được một số biểu hiện của biến đổi khí hậu.  - Trình bày được một số biện pháp phòng tránh thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu  **2. Năng lực**  **\* Năng lực chung**  **-** Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập.  **-** Năng lực giao tiếp và hợp tác: biết chủ động đưa ra ý kiến giải pháp khi được giao nhiệm vụ để hoàn thành tốt khi làm việc nhóm.  **\* Năng lực Địa Lí**  - Nêu được một số biểu hiện của biến đổi khí hậu  **3. Phẩm chất**  - Có ý thức tìm hiểu về biến đổi khí hậu và ứng phó với biến đổi khí hậu. | |  |
| **17** | | **BÀI 15.**  **THỰC HÀNH PHÂN TÍCH BIỂU ĐỒ NHIỆT ĐỘ VÀ LƯỢNG MƯA** | | **1** | **1. Kiến thức**: Học sinh biết cách khai thác kiến thức từ các bảng số liệu.  2**. Kỹ năng**: Học sinh biết cách khai thác kiến thức từ tranh ảnh | |  |
|  | |  | |  |  | |  |
| **18** | | **BÀI 16.**  **THUỶ QUYỂN. VÒNG TUẦN HOÀN NƯỚC. NƯỚC NGẦM, BĂNG HÀ** | | **2** | **1. Kiến thức:**  - Kể tên được các thành phần chủ yếu của thuỷ quyển.  - Mô tả được vòng tuần hoàn lớn của nước.  - Nêu được tầm quan trọng của nước ngầm và băng hà  - Có ỷ thức sử dụng hợp li và bảo vệ tài nguyên nước  **2. Năng lực**  **\* Năng lực chung**  **-** Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập.  **\* Năng lực Địa lí**  - Năng lực tìm hiểu địa lí: Kể tên các thành phần của thuỷ quyển, mô tả vòng tuần hoàn lớn của nước  **3. Phẩm chất**  - Yêu nước: Tích cực, chủ động tham gia các hoạt động bảo vệ thiên nhiên nói chung, môi trường nước nói riêng.  - Nhân ái: Chia sẻ, cảm thông với những sự khó khăn, thách thức tác động đến môi trường nước  - Chăm chỉ: tích cực, chủ động trong các hoạt động học  - Trung thực: Nhận lỗi, phát hiện và phản ánh hành vi phạm để cùng khắc phục.  -Trách nhiệm: Có ý thức bảo vệ và tuyên truyền ý thức đối với gia đình, bạn bè bảo vệ nguồn nước | |  |
| **19** | | **BÀI 17.**  **SÔNG VÀ HỒ** | | **2** | **1. Kiến thức**:  - Mô tả được các bộ phận của một dòng sông lớn, mối quan hệ giữa mùa lũ của sông với các nguồn cấp nước sông.  - Mô tả được mối quan hệ giữa mùa lũ của sông với các nguồn cấp nước sông  Nêu được tầm quan trọng của việc sử dụng tổng hợp nước sông, hồ  **2. Năng lực**  **\* Năng lực chung**  **-** Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập.  **-** Năng lực giao tiếp và hợp tác: biết chủ động đưa ra ý kiến giải pháp khi được giao nhiệm vụ để hoàn thành tốt khi làm việc nhóm.  **\* Năng lực Địa Lí**  - Năng lực tìm hiểu địa lí:  - Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Biết liên hệ thực tế để giải thích các hiện tượng, các vấn đề liên quan đến bài học; Liên hệ với Việt Nam nếu có  - Năng lực nhận thức khoa học địa lí: Phân tích mối liên hệ giữa các yếu tố tự nhiên  **3. Phẩm chất**  -Trách nhiệm: Có trách nhiệm trong việc sử dụng các nguồn nước trong cuộc sống  - Chăm chỉ: tích cực, chủ động trong các hoạt động học  - Nhân ái: Tôn trọng và chia sẻ các thói quen bảo vệ và sử dụng hợp lý các nguồn nước giữa các cộng đồng dân cư, dân tộc | |  |
| **20** | | **BÀI 18.**  **BIỂN VÀ ĐẠI DƯƠNG** | | **2** | **1. Kiến thức:**  - Xác định được trên bản đồ các đại dương thế giới.  - Nêu được sự khác biệt về nhiệt độ, độ muối giữa vùng biển nhiệt đới và vùng biển ôn đới.  - Trình bày được các hiện tuợng sóng, thuỷ triều, dòng biển  **2. Năng lực:**  **- Năng lực chung:**  **+** Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập.  **+** Năng lực giao tiếp và hợp tác: biết chủ động đưa ra ý kiến giải pháp khi được giao nhiệm vụ để hoàn thành tốt khi làm việc nhóm.  **- Năng lực tìm hiểu Địa lí:**  **+** Xác định được trên bản đồ các đại dương thế giới.  + Nêu được sự khác biệt về nhiệt độ và độ muối giữa vùng biển nhiệt đới và vùng biển ôn đới.  + Nhận biết hiện tượng sóng biển và thủy triều qua tranh ảnh. Quan sát, phân tích hình ảnh để tìm hiểu sự chuyển động của các dòng biển trong đại dương.  **3. Phẩm chất:**  -Trách nhiệm: bảo vệ tài nguyên, chủ quyền biển – đảo Việt Nam và môi trường biển.  - Chăm chỉ: tích cực, chủ động trong các hoạt động học tập.  - Nhân ái: thông cảm, chia sẻ với những vùng chịu ảnh hưởng của thiên tai: bão, sóng thần,....  ***\* Giáo dục chủ quyền biển - đảo***: Giới thiệu về chủ quyền biên giới biển – đảo Việt Nam. | |  |
| **21** | | **ÔN TẬP KT**  **GIỮA HỌC KÌ II** | | **1** | **1. Về kiến thức:** Yêu cầu cần đạt từ bài 13 đến bài 18. **2. Về năng lực:** Rèn luyện kỉ năng nêu và đánh giá vấn đề, so sánh... **3. Về phẩm chất:** Giáo dục học sinh tính tự học, tự rèn, tính trung thực và tự giác trong kiểm tra… | |  |
| **22** | | **BÀI 19.**  **LỚP ĐẤT VÀ CÁC NHÂN TỐ HÌNH THÀNH ĐẤT. MỘT SỐ NHÓM ĐẤT ĐIỂN HÌNH** | | **2** | **1. Kiến thức:**  - Nêu được các tầng đất và các thành phần chính của đất.  - Đặc điểm của các tầng đất.  - Trình bày được một số nhân tố hình thành đất.  - Kể được tên một số nhóm đất điển hình trên thế giới.  - Xác định được trên bản đồ một số nhóm đất ở vùng nhiệt đới hoặc ở vùng ôn đới  **2. Năng lực:**  **\* Năng lực chung**  **-** Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập.  **-** Năng lực giao tiếp và hợp tác: biết chủ động đưa ra ý kiến, giải pháp khi được giao nhiệm vụ để hoàn thành tốt khi làm việc nhóm.  **\* Năng lực Địa Lí**  **-** Năng lực nhận thức khoa học địa lí: Phân tích được mối liên hệ giữa các yếu tố tự nhiên đến quá trình hình thành đất.  - Năng lực tìm hiểu địa lí: Sử dụng sơ đồ, biểu đồ để trình bày được các tầng đất và thành phần đất. Kể được tên và xác định được trên bản đồ một số nhóm đất điển hình ở vùng nhiệt đới hoặc ôn đới.  - Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Biết liên hệ thực tế để giải thích các hiện tượng, các vấn đề liên quan đến bài học.  **3. Phẩm chất**  -Trách nhiệm:Có ỷ thức sử dụng hợp lí và bảo vệ đất.  - Chăm chỉ: tích cực, chủ động trong các hoạt động học.  - Nhân ái: Chia sẻ, cảm thông với những vùng, những nơi thường xuyên gặp khó khăn về vấn đề thổ nhưỡng. | |  |
| **23** | | **BÀI 20.**  **SINH VẬT VÀ SỰ PHÂN BỐ CÁC ĐỚI THIÊN NHIÊN. RỪNG NHIỆT ĐỚI** | | **2** | **1. Kiến thức:**  - Nêu được ví dụ vể sự đa dạng của thế giới sinh vật ở lục địa và ở đại dương.  Xác định được trên bản đồ sự phân bố các đới thiên nhiên trên thế giới.  - Trình bày được đặc điểm của rừng nhiệt đới  **2. Năng lực**  **\* Năng lực chung**  **-** Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập.  **-** Năng lực giao tiếp và hợp tác: biết chủ động đưa ra ý kiến giải pháp khi được giao nhiệm vụ để hoàn thành tốt khi làm việc nhóm.  **\* Năng lực Địa Lí**  - Giới thiệu được về lớp vỏ sinh vật  - Nêu được ví dụ về sự da dạng của thế giới sinh vật ở lục địa và đại dương  - Xác định được trên bản đồ sự phân bố các đới thiên nhiên trên TG  - Kể tên được một số nhóm đất điển hình trên TG  - Trình bày được đặc điểm của rừng nhiệt đới  **3. Phẩm chất**  - Có ý thức vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học ở nhà trường vào học tập và cuộc sống. | |  |
| **24** | | **BÀI 21.**  **THỰC HÀNH TÌM HIỂU MÔI TRƯỜNG TỰ NHIÊN QUA TÀI LIỆU VÀ THAM QUAN ĐỊA PHƯƠNG** | | **1** | - Học sinh biết cách phân tích, đánh giá thông qua tài liệu học tập.  - Học sinh biết làm bài thu hoạch khi tham quan thực tế. | |  |
| **25** | | **BÀI 22.**  **DÂN SỐ VÀ PHÂN BỐ DÂN CƯ** | | **2** | **1. Kiến thức**  - Biết được số dân trên thế giới. Trình bày và giải thích được đặc điềm phân bố dân cư trên thế giới.  - Đọc được biểu đồ quy mô dân số thế giới.  - Xác định được trên bản đồ một số thành phố đông dân nhất thế giới  **2. Năng lực**  - Năng lực chung: giải quyết vấn đề, giao tiếp và hợp tác, tự chủ và sáng tạo  - Năng lực riêng:  + Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Biết liên hệ thực tế để giải thích các hiện tượng, các vấn đề liên quan đến bài học; Liên hệ với Việt Nam nếu có  + Năng lực nhận thức khoa học địa lí: Phân tích mối liên hệ giữa các yếu tố tự nhiên  **3. Phẩm chất**  - Yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm | |  |
| **26** | | **BÀI 23.**  **CON NGƯỜI VÀ THIÊN NHIÊN** | | **2** | **1. Kiến thức:**  - Nêu được các tác động của thiên nhiên lên hoạt động sản xuất và sinh hoạt của con người.  - Trình bày được những tác động chủ yếu của con người tới thiên nhiên Trái Đất  - Trình bày được các giải pháp bảo vệ môi trường tự nhiên mà các em có thể làm được  **2. Năng lực**:  - Trình bày được các tác động của thiên nhiên lên hoạt động sản xuất và sinh hoạt của con người.  - Trình bày được những tác động chủ yếu của con người tới thiên nhiên Trái Đất.  **-** Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập.  **-** Năng lực giao tiếp và hợp tác: biết chủ động đưa ra ý kiến giải pháp khi được giao nhiệm vụ để hoàn thành tốt khi làm việc nhóm.  - Năng lực tìm hiểu Địa lí: biết khai thác internet phục vụ môn học.  - Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Biết liên hệ thực tế để giải thích các hiện tượng, các vấn đề liên quan đến bài học; Liên hệ với Việt Nam (nếu có).  - Năng lực nhận thức khoa học địa lí: Phân tích mối liên hệ giữa các yếu tố tự nhiên.  **3. Phẩm chất**  -Trách nhiệm: Yêu thiên nhiên, thấy được trách nhiệm với thiên nhiên.  - Chăm chỉ: Tích cực, chủ động trong các hoạt động học.  - Nhân ái: Chia sẻ, cảm thông với những sự khó khăn, thách thức của những vấn đề liên quan đến nội dung bài học. | |  |
| **27** | | **BÀI 24.**  **THỰC HÀNH TÁC ĐỘNG CỦA CON NGƯỜI ĐẾN THIÊN NHIÊN** | | **1** | **1. Kiến thức:**  - Biết được mối quan hệ giữa con người và thiên nhiên ở' địa phương.  - Biết những điều kiện cần chuẩn bị cho tiết thực hành.  - Biết cách tìm hiểu môi trường tự nhiên qua tài liệu và tham quan địa phương  **2. Năng lực:**  **- Năng lực chung:**  **+** Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập.  **+** Năng lực giao tiếp và hợp tác: biết chủ động đưa ra ý kiến giải pháp khi được giao nhiệm vụ để hoàn thành tốt khi làm việc nhóm  **- Năng lực tìm hiểu Địa lí:**  + Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Biết liên hệ thực tế để giải thích các hiện tượng, các vấn đề liên quan đến bài học; liên hệ với Việt Nam nếu có.  + Năng lực nhận thức khoa học địa lí: Phân tích mối liên hệ giữa các yếu tố tự nhiên.  **3. Phẩm chất:**  -Trách nhiệm:  - Chăm chỉ: tích cực, chủ động trong các hoạt động học  - Nhân ái: Chia sẻ, cảm thông với những sự khó khăn, thách thức của những vấn đề liên quan đến nội dung bài học. | |  |
| **28** | | **ÔN TẬP CHƯƠNG 4 – 5 -6 (3 TIẾT)** | | | | |  |
| **29** | | **ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ II** | | | | |  |

**2. Phân phối chương trình môn Lịch sử - Địa lý 7**

* ***Phân môn Lịch sử***

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Bài học** | **Số tiết** | **Yêu cầu cần đạt** | | | **Ghi chú** |
| **HỌC KÌ I** | | | | | | |
| 1 | **BÀI 1.**  **QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CHẾ ĐỘ PHONG KIẾN Ở TÂY ÂU** | **3** | **1. Kiến thức**  - Kể lại được những sự kiện chủ yếu về quá trình hình thành xã hội phong kiến ở Tây Âu.  - Trình bày được đặc điểm của lãnh địa phong kiến.  - Trình bày được quan hệ xã hội của chế độ phong kiến Tây Âu.  - Phân tích được vai trò của thành thị trung đại.  - Mô tả được sơ lược sự ra đời của Thiên Chúa giáo.  **2. Kỹ năng**  - Năng lực tự chủ và tự học: Làm việc độc lập để giải quyết vấn đề bài học, tích cực thực hiện những công việc của thầy cô giao.  - Năng lực giao tiếp và hợp tác: Học sinh tích cực trao đổi nội dung để hoàn nội dung học tập.  - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết tiếp nhận thông tin và đánh giá, nhận xét nội dung bài học, suy nghĩ đưa ra các ý kiến giải quyết yêu cầu của nhiệm vụ học tập.  **3. Phẩm chất**  - Chăm chỉ: Chăm chỉ trong học tập, nghiên cứu tài liệu.  - Có tinh thần yêu nước, lòng nhân ái, ý thức trách nhiệm trong việc góp phần xây dựng một thế giới hòa bình, thúc đẩy sự giao lưu giữa các nước. | | |  |
| 2 | **BÀI 2.**  **CÁC CUỘC PHÁT KIẾN ĐỊA LÍ** | **1** | **1. Kiến thức:**  - Học sinh sử dụng được lược đồ, giới thiệu được những nét chính về hành trình của một số cuộc phát kiến địa lí lớn trên thế giới.  - Nêu được hệ quả của các cuộc phát kiến địa lí.  **2. Kỹ năng:**  - Năng lực chung:  + Giải quyết được những nhiệm vụ học tập một cách độc lập, có kĩ năng làm việc nhóm và thể hiện tính sáng tạo.  + Góp phần phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác thông qua hoạt động nhóm cũng như quá trình trao đổi những kiến thức về nội dung bài học với giáo viên.  - Năng lực chuyên biệt:  + Khai thác và sử dụng được những thông tin của một số tư liệu lịch sử trong bài học, học liệu số theo sự hướng dẫn của giáo viên.  + Tìm kiếm, sưu tầm được tư liệu để phục vụ cho bài học và thực hiện được các hoạt động thực hành, vận dụng.  **3. Phẩm chất**  - Có tinh thần yêu nước, lòng nhân ái, ý thức trách nhiệm trong việc góp phần xây dựng một thế giới hòa bình, thúc đẩy sự giao lưu giữa các nước. | | |  |
| 3 | **BÀI 3.**  **SỰ HÌNH THÀNH QUAN HỆ SẢN XUẤT TƯ BẢN CHỦ NGHĨA Ở TÂY ÂU TRUNG ĐẠI** | **1** | **1. Kiến thức**  Xác định được những biến đổi chính trong xã hội và sự nảy sinh phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa ở Tây Âu.  **2. Kỹ năng**  - Đọc và chỉ ra được thông tin quan trọng trên lược đồ.  - Khai thác và sử dụng được thông tin của một số tư liệu lịch sử trong bài học dưới sự hướng dẫn của giáo viên.  - Tìm kiếm, sưu tầm được tư liệu để phục vụ cho bài học và thực hiện các hoạt động thực hành, vận dụng.  **3. Phẩm chất**  Trân trọng những giá trị lịch sử và văn hóa thời kì Tây Âu trung đại để lại cho nhân loại. | | |  |
| 4 | **BÀI 4.**  **VĂN HOÁ PHỤC HƯNG** | **2** | **1. Kiến thức**  - Giới thiệu được sự biến đổi quan trọng về kinh tế - xã hội của Tây Âu từ thế kỉ XIII đến thế kỉ XVI.  - Trình bày được những thành tựu tiêu biểu của phong trào Văn hóa Phục hưng.  - Nhận biết được ý nghĩa và tác động của phong trào Văn hóa Phục hưng đối với xã hội Tây Âu  **2. Kỹ năng**  \* Năng lực chung  - Tự học, giải quyết vấn đề, tư duy, tự quản lý, trao đổi nhóm.  \* Năng lực đặc thù  - Năng lực tìm hiểu lịch sử: Biết khai thác và sử dụng được nguồn tư liệu chữ viết và hình ảnh có trong bài học.  - Về năng lực nhận thức và tư duy lịch sử: Giới thiệu được sự biến đổi quan trọng về kinh tế - xã hội của Tây Âu từ thế kỉ XIII đến thế kỉ XVI.  - Năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học: Nêu được tác động của phong trào Văn hóa Phục hưng đối.  **3. Phẩm chất**  - Yêu nước: Có thái độ khách quan trong nhìn nhận các sự kiện và nhân vật lịch sử.  - Trách nhiệm: Có ý thức tôn trọng và học hỏi cái hay, cái đẹp trong những thành tựu tiêu biểu của phong trào Văn hóa Phục hưng và văn hóa của các dân tộc khác. | | |  |
| 5 | **BÀI 5.**  **PHONG TRÀO CẢI CÁCH TÔN GIÁO** | **1** | **1. Kiến thức**  - Nêu và giải thích được nguyên nhân của phong trào cải cách tôn giáo.  - Mô tả khái quát được nội dung cơ bản của các cuộc cải cách tôn giáo.  - Nêu được tác động của cải cách tôn giáo đối với xã hội Tây Âu.  **2. Kỹ năng**  \* Năng lực chung  - Tự học, giải quyết vấn đề, tư duy, tự quản lý, trao đổi nhóm.  \* Năng lực đặc thù  - Năng lực tìm hiểu lịch sử: Biết khai thác và sử dụng được các thông tin có trong tư liệu cấu thành nên nội dung bài học.  - Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử: Mô tả khái quát được nội dung cơ bản của các cuộc cải cách tôn giáo.  - Năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học:  - Nêu được tác động của cải cách tôn giáo đối với xã hội Tây Âu.  **3. Phẩm chất**  - Nhân ái: Tình cảm đối với tự nhiên và nhân loại.  - Trách nhiệm: Tôn trọng những giá trị nhân bản của loài người như sự bình đẳng trong xã hội. | | |  |
| 6 | **BÀI 6.**  **KHÁI LƯỢC TIẾN TRÌNH LỊCH SỬ TRUNG QUỐC TỪ THẾ KỈ VII ĐẾN GIỮA THẾ KỈ XIX** | **2** | **1. Kiến thức**  - Lập được Sơ đồ Tiến trình phát triển của Trung Quốc từ thế kỉ VII đến giữa thế kỉ XIX (các thời Đường, Tống, Nguyên, Minh, Thanh).  - Nêu được những nét chính về sự thịnh vượng của Trung Quốc dưới thời Đường.  - Mô tả được sự phát triển kinh tế dưới thời Minh - Thanh.  **2. Kỹ năng**  Năng lực chung  - Tự chủ và tự học: Khai thác được tài liệu phục vụ cho bài học.  - Giao tiếp và hợp tác: Làm việc nhóm hiệu quả.  - Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết phân tích, nhận xét, đánh giá vấn đề và liên hệ thực tiễn.  Năng lực đặc thù  - Tìm hiểu lịch sử: Giải mã được các tư liệu lịch sử (kênh chữ và kênh hình) có trong bài học.  - Nhận thức và tư duy lịch sử:  + Lập được sơ đồ tiến trình phát triển của Trung Quốc từ thế kỉ VII đến giữa thế kỉ XIX (các thời Đường, Tổng, Nguyên, Minh, Thanh).  + Nêu được những nét chính về sự thịnh vượng của Trung Quốc dưới thời Đường.  **3. Phẩm chất:** Giáo dục phẩm chất nhân ái, căm ghét cái xấu, lên án chiến tranh phi nghĩa. | | |  |
| 7 | **BÀI 7.**  **CÁC THÀNH TỰU VĂN HOÁ CHỦ YẾU CỦA TRUNG QUỐC TỪ THẾ KỈ VII ĐẾN GIỮA THẾ KỈ XIX** | **2** | **1. Kiến thức**  - Giới thiệu được những thành tựu chủ yếu của văn hóa Trung Quốc từ thế kỷ VII đến giữa thế kỷ XIX (Nho giáo, sử học, kiến trúc,…).  - Nhận xét được những thành tựu chủ yếu của văn hóa Trung Quốc từ thế kỷ VII đến giữa thế kỷ XIX.  **2. Kỹ năng**  Năng lực chung  - Tự chủ và tự học: Khai thác được tài liệu phục vụ cho bài học.  - Giao tiếp và hợp tác: Làm việc nhóm hiệu quả.  - Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết phân tích, nhận xét, đánh giá vấn đề và liên hệ thực tiễn.  Năng lực đặc thù  - Tìm hiểu lịch sử: Giải mã các tư liệu lịch sử - Nhận thức và tư duy lịch sử:  + Giới thiệu được những thành tựu chủ yếu của văn hoá Trung Quốc từ thế kỉ VII đến giữa thế kỉ XIX (Nho giáo, sử học, kiến trúc,...).  **3. Phẩm chất**  - Giáo dục phẩm chất nhân ái, tôn trọng sự khác biệt về văn hóa, yêu thiên nhiên, yêu di sản.  - Củng cố năng lực giao tiếp, hợp tác trong các hoạt động nhóm. | | |  |
| 8 |  | | | | **ÔN TẬP KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I** |  |
| 9 |  | | | | **KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I** |  |
| 10 | **BÀI 8.**  **VƯƠNG TRIỀU GÚP-TA** | **2** | **1. Kiến thức**  - Nêu được những nét chính về điều kiện tự nhiên của Ấn Độ  - Trình bày khái quát được sự ra đời về tình hình chính trị, kinh tế, xã hội của Ấn độ dưới vương triều Gúp-ta.  - Giới thiệu và nhận xét được một số thành tựu tiêu biểu về văn hóa Ấn Độ dưới thời vương triều Gúp-ta.  **2. Kỹ năng**  Năng lực chung  - Tự chủ và tự học: Khai thác được tài liệu phục vụ cho bài học.  - Giao tiếp và hợp tác: Làm việc nhóm hiệu quả.  - Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết phân tích, nhận xét, đánh giá vấn đề và liên hệ thực tiễn.  Năng lực đặc thù  - Tìm hiểu lịch sử: Khai thác và sử dụng được thông tin của một số tư liệu lịch sử trong bài học dưới sự hướng dẫn của GV.  - Nhận thức và tư duy lịch sử:  + Nêu những nét chính về điều kiện tự nhiên của Ấn Độ  + Rèn luyện kỹ năng miêu tả tranh ảnh lịch sử, kỹ năng so sánh, đánh giá, hợp tác.  **3. Phẩm chất**- Yêu nước: Có thái độ khách quan trong nhìn nhận các sự kiện và nhân vật lịch sử.  - Nhân ái: Tôn trọng văn hóa, tự do tín ngưỡng của dân tộc khác.  - Chăm chỉ: Chăm học, chăm làm, hăng say học hỏi và nhiệt tình tham gia hoạt động nhóm.  - Trung thực: Hiểu được Ấn Độ là một quốc gia phong kiến lớn điển hình ở phương Đông, có ảnh hưởng không nhỏ tới quá trình phát triển lịch sử Việt Nam.  - Trách nhiệm: Trân tọng những cống hiến của con người trong quá khứ và bảo vệ những giá trị văn hóa của nhân loại | | |  |
| 11 | **BÀI 9.**  **VƯƠNG TRIỀU HỒI GIÁO ĐÊ-LI** | 1 | **1. Kiến thức**  - Trình bày khái quát được sự ra đời về tình hình chính trị, kinh tế, xã hội của Ấn độ dưới thời vương triều Hồi giáo Đê -Li  - Giới thiệu và nhận xét được một số thành tựu tiêu biểu về văn hóa Ấn Độ dưới thời vương triều Hồi giáo Đê – li.  **2. Kỹ năng**  Năng lực chung  - Tự chủ và tự học: Khai thác được tài liệu phục vụ cho bài học.  - Giao tiếp và hợp tác: Làm việc nhóm hiệu quả.  - Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết phân tích, nhận xét, đánh giá vấn đề và liên hệ thực tiễn.  Năng lực đặc thù  - Tìm hiểu lịch sử: Khai thác và sử dụng được thông tin của một số tư liệu hình ảnh và tư liệu văn bản để tìm hiểu về vương triều Hồi giáo Đê – li.  - Nhận thức và tư duy lịch sử:  + Rèn luyện kỹ năng miêu tả tranh ảnh lịch sử, kỹ năng so sánh, đánh giá, hợp tác.  - Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để tìm hiểu thêm về một số thành tựu văn hóa tiêu biểu thời vương triều Hồi giáo Đê – li.  **3. Phẩm chất**  - Yêu nước: Có thái độ khách quan trong nhìn nhận các sự kiện và nhân vật lịch sử.- Nhân ái: Tôn trọng những cống hiến của con người trong quá khứ và bảo vệ những giá trị văn hóa của nhân loại  - Chăm chỉ: Chăm học, chăm làm, hăng say học hỏi và nhiệt tình tham gia hoạt động nhóm.  - Trung thực: Hiểu được Ấn Độ là một quốc gia phong kiến lớn điển hình ở phương Đông, có ảnh hưởng không nhỏ tới quá trình phát triển lịch sử Việt Nam.  - Trách nhiệm: Trân tọng những cống hiến của con người trong quá khứ và bảo vệ những giá trị văn hóa của nhân loại | | |  |
| 12 | **BÀI 10.**  **ĐẾ QUỐC MÔ-GÔN** | 1 | **1. Kiến thức**  **-**Trình bày khái quát được sự ra đời và tình hình chính trị, kinh tế, xã hội của Ấn Độ dưới thời đế quốc Mô-gôn.  - Giới thiệu và nhận xét một số thành tựu tiêu biểu của văn hóa Ấn Độ dưới thời đế quốc Mô-gôn.  **2. Kỹ năng**  Năng lực chung  - Tự chủ và tự học: Khai thác được tài liệu phục vụ cho bài học.  - Giao tiếp và hợp tác: Làm việc nhóm hiệu quả.  - Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết phân tích, nhận xét, đánh giá vấn đề và liên hệ thực tiễn.  Năng lực đặc thù  - Tìm hiểu lịch sử: Khai thác và sử dụng được thông tin của một số tư liệu lịch sử trong bài học dưới sự hướng dẫn của GV.  - Nhận thức và tư duy lịch sử:  + Nêu những nét chính về sự ra đời, tình hình kinh tế, chính trị, xã hội văn hóa cả Ấn Độ dưới thời đế quốc Mô-gôn.  + Rèn luyện kỹ năng miêu tả tranh ảnh lịch sử, kỹ năng so sánh, đánh giá, hợp tác.  - Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để đánh giá và liên hệ để viết được một đoạn văn giới thiệu về lăng Tai-giơ Ma-han.  **3. Phẩm chất**  - Yêu nước: Có thái độ khách quan trong nhìn nhận các sự kiện và nhân vật lịch sử.- Nhân ái: Tôn trọng những cống hiến của con người trong quá khứ và bảo vệ những giá trị văn hóa của nhân loại  - Chăm chỉ: Chăm học, chăm làm, hăng say học hỏi và nhiệt tình tham gia hoạt động nhóm.  - Trung thực: Hiểu được Ấn Độ là một quốc gia phong kiến lớn điển hình ở phương Đông, có ảnh hưởng không nhỏ tới quá trình phát triển lịch sử Việt Nam.  - Trách nhiệm: Trân tọng những cống hiến của con người trong quá khứ và bảo vệ những giá trị văn hóa của nhân loại | | |  |
| 13 | **BÀI 11.**  **KHÁI QUÁT VỀ ĐÔNG NAM Á TỪ NỮA SAU THẾ KỈ X ĐẾN NỬA ĐẦU THẾ KỈ XVI** | **2** | **1. Kiến thức**  - Mô tả được quá trình hình thành, phát triển của các quốc gia Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XVI.  - Giới thiệu và nhận xét được những thành tựu văn hoá tiêu biểu của Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XVI.  **2. Kỹ năng**  - Đọc và chỉ ra được thông tin quan trọng trên lược đồ.  - Khai thác và sử dụng được thông tin của một số tư liệu lịch sử trong bài học dưới sự hướng dẫn của giáo viên.  - Tìm kiếm, sưu tầm được tư liệu để phục vụ cho bài học và thực hiện các hoạt động thực hành, vận dụng.  **3. Phẩm chất**  Trân trọng những giá trị lịch sử và văn hóa của cư dân Đông Nam Á. | | |  |
| 14 | **BÀI 12.**  **VƯƠNG QUỐC CAM-PU-CHIA** | **2** | **1. Kiến thức**:  - Mô tả được quá trình hình thành và phát triển của Vương quốc Cam-pu-chia.  - Nhận biết và đánh giá được sự phát triển của Vương quốc Cam-pu-chia thời Ăng Co  - Nêu được một số nét tiêu biểu về văn hoá của Vương quốc Cam-pu-chia.  **2. Kỹ năng**  \*Năng lực riêng/ đặc thù:  *- Năng lực tìm hiểu lịch sử:*  + Quan sát, khai thác và sử dụng thông tin của tư liệu lịch sử được sử dụng trong bài học  + Mô tả được quá trìnhhình thành và phát triển của vương quốc Cam pu chia, nhận biết sự phát triển của vương quốc Cam pu chia thời Ăng co  *- Phát triển năng lực nhận thức và tư duy lịch sử:*  + Lập được trục thời gian các sự kiện tiêu biểu về quá trình hình thành và phát triển của Vương quốc Cam-pu-chia.  \* Năng lực chung:  - Tự học: phát triển năng lực tự học thông qua việc tự đọc, tự ngiên cứu nội dung bài học qua SGK và tư liệu.  - Năng lực giao tiếp và hợp tác: phát triển năng lực này thông qua việc trả lời các câu hỏi của giáo viên và hoạt động nhóm cùng các bạn.  - Giải quyết vấn đề: giải thích được các vấn đề đặt ra trong thực tiễn có liên hệ từ nội dung bài học.  **3. Phẩm chất:**  - Giáo dục lòng yêu nước: có tinh thần đoàn kết gắn bó giữa các nước  - Trân trọng, giữ gìn truyền thống đoàn kết giữa Việt Nam với Cam-pu-chia.. | | |  |
| 15 | **BÀI 13.**  **VƯƠNG QUỐC LÀO** | **1** | **1. Kiến thức:**  - Mô tả được quá trình hình thành và phát triển của Vương Quốc Lào.  - Nhận biết và đánh giá được sự phát triển của Vương quốc Lào thời Lan Xang.  - Nêu được một số nét tiêu biểu về văn hóa của Vương quốc Lào.  **2. Kỹ năng:**  *\* Năng lực chung*  - Bài học góp phần phát triển năng lực tự học thông qua việc tự đọc, tự nghiên cứu nội dung qua SGK và tư liệu.  - Bài học phát triển năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác qua việc trả lời những câu hỏi của giáo viên và hoạt động nhóm.  *\* Năng lực chuyên biệt*  - Lập được trục thời gian các sự kiện tiêu biểu về quá trình hình thành và phát triển của vương quốc Lào.  - Khai thác và sử dụng được thông tin trong bài học.  **3. Phẩm chất:**  - Nhận thức được quá trình phát triển lịch sử, tính chất tương đồng và sự gắn bó lâu đời của các dân tộc ở Đông Nam Á.  - Trân trọng giữ gìn truyền thống đoàn kết giữa Việt nam với Lào. | | |  |
| 16 | **BÀI 14.**  **CÔNG CUỘC XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ ĐẤT NƯỚC THỜI NGÔ – ĐINH – TIỀN LÊ (938 – 1009)** | 4 | **1. Kiến thức**  - Nêu được những nét chính về thời Ngô.  - Trình bày được quá trình thống nhất đất nước của Đinh Bộ Lĩnh và sự thành lập của nhà Đinh.  - Đánh giá được công lao của Ngô Quyền, Đinh Bộ Lĩnh trong công cuộc củng cố nền độc lập & bước đầu xây dựng đất nước về đời sống, kinh tế xã hội.  - Mô tả được cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Tống của Lê Hoàn năm 981.  - Giới thiệu được những nét chính về tổ chức chính quyền thời Đinh - Tiền Lê.  - Nhận biết được đời sống xã hội văn hóa thời Ngô – Đinh – Tiền Lê.  - Đánh giá được công lao của Lê Hoàn trong công cuộc củng cố nền độc lập & bước đầu xây dựng đất nước về đời sống, kinh tế xã hội.  **2. Kỹ năng**  \* Năng lực chung  - Năng lực tự chủ và tự học: Làm việc độc lập để giải quyết vấn đề bài học, tích cực thực hiện những công việc của thầy cô giao.  - Năng lực giao tiếp và hợp tác: Học sinh tích cực trao đổi nội dung để hoàn nội dung học tập.  - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết tiếp nhận thông tin và đánh giá, nhận xét nội dung bài học, suy nghĩ đưa ra các ý kiến giải quyết yêu cầu của nhiệm vụ học tập.  \* Năng lực lịch sử  *-Tìm hiểu lịch sử:* Khai thác và sử dụng được thông tin tư liệu kênh chữ, kênh hình trong SGK để tìm hiểu tổ chức bộ máy nhà nước thời Ngô – Đinh – Tiền Lê về quá trình xây dựng đất nước và tổ chức bộ máy, đời sống kinh tế văm hóa thời Ngô – Đinh – Tiền Lê.  *- Nhận thức và tư duy lịch sử:* Mô tả được tổ chức bộ máy triều đình trung ương thời Tiền Lê.  - *Vận dụng KT- KN đã học:* Vận dụng kiến thức bộ máy triều đình trung ương thời Tiền Lê liên hệ với tổ chức bộ máy nhà nước thời nay.  **3. Phẩm chất**  - Yêu nước: Giáo dục HS tinh thần yêu nước, bảo vệ nền độc lập dân tộc.  - Nhân ái: Yêu quý các nhân vật lịch sử có công lao xây dựng đất nước.  - Chăm chỉ: Chăm chỉ trong học tập, nghiên cứu tài liệu.  - Trách nhiệm: Có trách nhiệm bảo vệ tổ quốc và phát huy công lao của các anh hùng dân tộc. | | |  |
| 17 |  | | | | **ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ I** |  |
| 18 |  | | | | **KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I** |  |
|  | | | | **HỌC KÌ II** | | |
| 19 | **BÀI 15.**  **CÔNG CUỘC XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ ĐẤT NƯỚC THỜI LÝ (1009 – 1226)** | **5** | **1. Kiến thức**  - Trình bày được sự thành lập nhà Lý.  - Đánh giá được sự kiện dời đô ra Đại La của Lý Công Uẩn.  - Mô tả những nét chính về kinh tế, văn hóa thời Lý.  - Mô tả những nét chính về xã hội, tôn giáo thời Lý.  - Đánh giá những nét độc đáo của cuộc kháng chiến chống Tống và vai trò của Lý Thường Kiệt trong cuộc kháng chiến chống Tống ( 1075-1077).  - Giới thiệu những thành tựu tiêu biểu văn hóa, giáo dục thời Lý.  **2. Kỹ năng**  - Năng lực tự chủ và tự học: Làm việc độc lập để giải quyết vấn đề bài học, tích cực thực hiện những công việc của thầy cô giao.  - Năng lực giao tiếp và hợp tác: Học sinh tích cực trao đổi nội dung để hoàn nội dung học tập.  - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết tiếp nhận thông tin và đánh giá, nhận xét nội dung bài học, suy nghĩ đưa ra các ý kiến giải quyết yêu cầu của nhiệm vụ học tập.  **3. Phẩm chất**  - Yêu nước: Giáo dục HS tinh thần yêu nước, bảo vệ nền độc lập dân tộc.  - Nhân ái: Yêu quý các nhân vật lịch sử có công lao xây dựng đất nước.  - Chăm chỉ: Chăm chỉ trong học tập, nghiên cứu tài liệu.  - Trách nhiệm: Có trách nhiệm bảo vệ tổ quốc và phát huy công lao của các anh hùng dân tộc. | | |  |
| 20 | **BÀI 16.**  **CÔNG CUỘC XÂY DỰNG ĐẤT NƯỚC THỜI TRẦN 1226-1400)** | **3** | **1. Kiến thức:**  - Mô tả được sự thành lập nhà Trần.  - Trình bày được những nét chính về tình hình chính trị, kinh tế, xã hội, văn hoá, tôn giáo thời Trần.  - Nêu được những thành tựu chủ yếu về văn hoá của Đại Việt thời Trần.  **2. Kỹ năng:**  - Biết sưu tầm, khai thác tư liệu, kênh hình trong học tập lịch sử, rèn luyện năng lực, tìm hiểu lịch sử.  - Biết trình bày, suy luận, phản biện, tranh luận về một vấn đề lịch sử, rèn luyện năng lực nhận thức và tư duy lịch sử.  **3. Phẩm chất:**  - Bồi dưỡng cho học sinh tinh thần đấu tranh bất khuất chống áp bức bóc lột và tinh thần sáng tạo trong xây dựng đất nước.  - Giáo dục lòng yêu nước, tự hào dân tộc, biết ơn tổ tiên và ý thức kế thừa truyền thống dân tộc trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc cho HS. | | |  |
| 21 |  | | | | **ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ II** |  |
| 22 |  | | | | **KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II** |  |
| 23 | **BÀI 17.**  **BA LẦN KHÁNG CHIẾN CHỐNG QUÂN XÂM LƯỢC MÔNG - NGUYÊN** | **3** | **1. Kiến thức:**  - Vẽ, lập được lược đồ diễn biến chính ba lần kháng chiến của nhà Trần chống quân xâm lược Mông - Nguyên.  - Phân tích được nguyên nhân thắng lợi, nêu được ý nghĩa lịch sử của ba lần kháng chiến chống quân xâm lược Mông – Nguyên.  - Nhận thức được sâu sắc tinh thần đoàn kết và quyết tâm chống giặc ngoại xâm của quân dân Đại Việt.  - Đánh giá được vai trò của một số nhân vật lịch sử tiêu biểu thời Trần: Trần Thủ Độ, Trần Quốc Tuấn, Trần Nhân Tông,...  **2. Kỹ năng:**  - Khai thác và sử dụng được thông tin của một số tư liệu lịch sử đơn giản dưới sự hướng dẫn của giáo viên trong các bài học lịch sử.  - Vận dụng được kiến thức lịch sử để phân tích và đánh giá tác động của một sự kiện, nhân vật, vấn đề lịch sử đối với cuộc sống hiện tại, đồng thời giải thích các vấn đề thời sự đang diễn ra ở trong nước và thế giới.  **3. Phẩm chất:**  - Tự hào về truyền thống lịch sử dân tộc, có ý thức trách nhiệm với cộng đồng. | | |  |
| 24 | **BÀI 18.**  **NHÀ HỒ VÀ CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG QUÂN XÂM LƯỢC MINH (1400-1407)** | **2** | **1. Kiến thức**  - Nắm được âm mưu, những hành động bành trướng và những thủ đoạn cai trị của nhà Minh..  - Nắm được diễn biến, kết quả, ý nghĩa các cuộc khởi nghĩa quý tộc Trần, tiêu biểu là Trần Ngỗi và Trần Quý Kháng.  **2. Kĩ năng**  - Rèn luyện kĩ năng tư duy logic xâu chuỗi các sự kiện ,các vấn đề lịch sử.  - Kĩ năng thu thập và xử lí thong tin, thuyết trình, phân tích đánh giá, liên hệ thực tế.  - Đánh giá công lao các nhân vật lịch sử ý nghĩa các sự kiện lịch sử.  **3. Phẩm chất**  - Giáo dục truyền thông yêu nước của nhân dân.  - Thấy được vai trò lớn của quần chúng nhân dân trong các cuộc khởi nghĩa. | | |  |
| 25 | **BÀI 19.**  **KHỞI NGHĨA LAM SƠN (1418-1427)** | **1** | **1. Kiến thức**  - Trình bày được một số sự kiện tiêu biểu của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn.  - Giải thích được nguyên nhân chính dẫn đến thắng lợi của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn.  - Nêu được ý nghĩa của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn và đánh giá được vai trò của một số nhân vật tiêu biểu: Lê Lợi, Nguyễn Trãi, Nguyễn Chích,...  **2. Kĩ năng**  - Rèn luyện kĩ năng tư duy logic xâu chuỗi các sự kiện ,các vấn đề lịch sử.  - Kĩ năng thu thập và xử lí thong tin, thuyết trình, phân tích đánh giá, liên hệ thực tế.  - Đánh giá công lao các nhân vật lịch sử ý nghĩa các sự kiện lịch sử.  **3. Phẩm chất**  - Giáo dục truyền thông yêu nước của nhân dân.  - Thấy được vai trò lớn của quần chúng nhân dân trong các cuộc khởi nghĩa. | | |  |
| 26 | **BÀI 20.**  **ĐẠI VIỆT THỜI LÊ SƠ (1428-1527)** | **3** | **1. Kiến thức:**  - Mô tả được sự thành lập nhà Lê Sơ.  - Nhận biết được tình hình kinh tế thời Lê Sơ.  - Nhận biết được tình hình xã hội thời Lê Sơ.  - Giới thiệu được sự phát triển văn hóa, giáo dục và một số danh nhân văn hóa tiêu biểu thời Lê Sơ.  **2. Kỹ năng:**  - Biết sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu về Vương triều Lê Sơ  **3. Phẩm chất:**  - Tự hào về truyền thống lịch sử dân tộc, có ý thức trách nhiệm với cộng đồng. | | |  |
| 27 | **BÀI 21.**  **VÙNG ĐẤT PHÍA NAM TỪ ĐẦU THẾ KỈ X ĐẾN ĐẦU THẾ KỈ XVI (2 TIẾT)** | **2** | **1. Kiến thức**  Nêu được những diễn biến cơ bản về chính trị, kinh tế văn hoá ở vùng đất phía nam từ đầu thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVI.  **2. Kỹ năng:**  *\* Năng lực chung*  Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố năng lực của học sinh như sau:  *- Năng lực tự chủ và tự học:* Tìm kiếm thông tin, đọc SGK, quan sát tranh ảnh để tìm hiểu về vùng đất phía Nam từ đầu TK X đến đầu TK XVI  *- Năng lực giao tiếp và hợp tác:* Thảo luận nhóm để hoàn thành phiếu học tập  *- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:* Đề xuất giải pháp và đánh giá các giải pháp của bạn  *\* Năng lực chuyên biệt*  Bước đầu rèn luyện các năng lực lịch sử: tìm hiểu LS; nhận thức và tư duy LS; vận dụng bài học lịch sử vào thực tiễn. Cụ thể:  - Biết sưu tầm, khai thác tư liệu, kênh hình trong học tập lịch sử, rèn luyện năng lực tìm hiểu lịch sử  - Biết trình bày, suy luận, phản biện, tranh luận vế một vấn để lịch sử, rèn luyện năng lực nhận thức và tư duy lịch sử  - Nêu được những diễn biến cơ bản về chính trị, kinh tế, văn hoá của vùng đất phía Nam từ đầu thế kỉ X đến đầu thế ki XVI.  - Tìm kiếm, sưu tầm được tư liệu để phục vụ cho bài học và thực hiện các hoạt động thực hành, vận dụng.  **3. Phẩm chất:**  - Bổi dưỡng tinh thần quý trọng, có ý thức bảo vệ đối với những thành tựu và di sản văn hoá của Chăm-pa, của cư dân sinh sống ở vùng đất Nam Bộ từ thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVI để lại.  - Tôn trọng sự đa dạng về văn hoá của các dân tộc trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam. | | |  |
| 28 | **ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ II** | | | | |  |
| 29 | **KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II** | | | | |  |

* ***Phân môn Địa lí***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Bài học** | **Số tiết** | **Yêu cầu cần đạt** | | **Ghi chú** |
|  | | | | **HỌC KÌ I** | |
| **1** | **BÀI 1.**  **THIÊN NHIÊN CHÂU ÂU** | **3** | **1. Kiến thức:**  - Trình bày được vị trí địa lí, hình dạng và kích thước của châu Âu.  - Phân tích được đặc điểm các khu vực địa hình chính của châu Âu; đặc điểm phân hóa khí hậu  - Xác định được trên bản đồ các sông lớn (Rai-nơ, Đa-nuýp, Vôn-ga)  - Các đới thiên nhiên ở châu Âu.  **2. Kỹ năng**  Năng lực chung:  - Năng lực tự chủ, tự học.  - Năng lực giao tiếp và hợp tác.  - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.  Năng lực Địa lí:  - Nhận thức khoa học Địa lí:  + Mô tả được một châu lục với các dấu hiệu đặc trưng về tự nhiên, dân cư - xã hội.  + Phân tích được tác động của các điếu kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên tới sự phân bố dân cư, đến việc lựa chọn phương thức khai thác tự nhiên của dân cư các châu lục.  - Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học vào thực tế để hiểu sâu sắc hơn kiến thức địa lí; có khả năng trình bày kết quả một bài tập của cá nhân hay của nhóm.  **3. Phẩm chất:**  - Yêu nước: Tích cực, chủ động tham gia các hoạt động bào vệ thiên nhiên.  - Nhân ái: Tôn trọng sự đa dạng vể văn hoá của các dân tộc, các nước.  - Chăm chỉ: Thích đọc sách, báo, tìm hiểu tư liệu trên internet để mở rộng hiểu biết; có ý thức vận dụng kiến thức, kĩ năng học được vào đời sống.  - Trách nhiệm: Có trách nhiệm với môi trường sống (sống hòa hợp, thân thiện với thiên nhiên; có ý thức tham gia các hoạt động bảo vệ thiên nhiên). | |  |
| **2** | **BÀI 2.**  **ĐẶC ĐIỂM DÂN CƯ, XÃ HỘI CHÂU ÂU** | **2** | **1. Kiến thức:**  - Trình bày được đặc điểm của cơ cấu dân cư ở châu Âu.  - Trình bày được đặc điểm của di cư và đô thị hóa ở châu Âu.  **2. Kỹ năng:**  \* Năng lực Địa Lí:  - Đọc được biểu đồ quy mô dân số, tỉ lệ nam và nữ trong tổng số dân ở châu Âu.  - Trình bày được đặc điếm của cơ cấu dân cư châu Âu.  \* Năng lực chung:  - Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết vấn đề trong tình huống mới.  - Lựa chọn hình thức làm việc nhóm phù hợp, chủ động hoàn thành các phần việc được giao.  **3. Phẩm chất:**  - Tôn trọng sự khác biệt về đặc điếm dân cư ở châu Âu.  - Có ý thức vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học ở nhà trường vào học tập và cuộc sống. | |  |
| **3** | **BÀI 3.**  **PHƯƠNG THỨC CON NGƯỜI KHAI THÁC, SỬ DỤNG VÀ BẢO VỆ THIÊN NHIÊN CHÂU ÂU** | **1** | **1. Kiến thức**  Lựa chọn và trình bày được một vấn đề bảo vệ môi trường ở châu Âu.  **2. Năng lực**  - Năng lực Địa lí:  + Năng lực nhận thức khoa học địa lí: rèn luyện cho học sinh kĩ năng phân tích các mối liên hệ (tương hỗ, nhân quả) giữa các hiện tượng, quá trình liên quan đến môi trường ở châu Âu.  + Năng lực tìm hiểu địa lí: sử dụng các công cụ của địa lí học như bản đồ, lược đồ, biểu đồ, tranh ảnh,... tìm tòi; tăng cường khai thác Internet trong học tập….  - Năng lực chung:  + Năng lực tự chủ và tự học: thu thập thông tin và trình bày báo cáo địa lý về môi trường ở châu Âu.  + Năng lực giao tiếp và hợp tác: thông qua các hoạt động nhóm và phương pháp dạy học thảo luận.  **3. Phẩm chất**  - Chăm chỉ và có trách nhiệm tham gia học tập, làm các bài tập, hoàn thành tốt nhiệm vụ trong nhóm và tự học tích cực.  - Yên thiên nhiên, có ý thức bảo vệ môi trường. | |  |
| **4** | **BÀI 4.**  **LIÊN MINH CHÂU ÂU** | **1** | **1. Kiến thức**  Nêu được dẫn chứng về Liên minh châu Âu (EU) như một trong bốn trung tâm kinh tế lớn trên thế giới.  **2. Kỹ năng:**  Năng lực chung:  - Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết vấn đề trong tình huống mới.  - Lựa chọn hình thức làm việc nhóm phù hợp, chủ động hoàn thành các phần việc được giao.  **3. Phẩm chất:**  - Tôn trọng sự đoàn kết, hợp tác cùng phát triển.  - Có ý thức vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học ở nhà trường vào học tập và cuộc sống. | |  |
| **5** | **BÀI 5.**  **THIÊN NHIÊN CHÂU Á** | **3** | **1. Kiến thức**  - Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí, hình dạng và kích thước châu Á.  - Trình bày được một trong những đặc điểm thiên nhiên châu Á, ý nghĩa của đặc điểm này đối với việc sử dụng và bảo vệ tự nhiên.  - Xác định được trên bản đồ các khu vực địa hình và các khoáng sản chính ở châu Á.  **2. Kỹ năng**  - Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí, hình dạng và kích thước của châu Á.  - Trình bày được một trong những đặc điểm của thiên nhiên châu Á, ý nghĩa của đặc điểm này đối với việc sử dụng và bảo vệ tự nhiên.  **3. Phẩm chất**  - Chăm chỉ, vượt khó để thực hiện các nhiệm vụ học tập.  - Sẵn sáng giúp đỡ các bạn cùng thực hiện nhiệm vụ học tập, viết báo cáo,… | |  |
| **6** | **ÔN TẬP KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I** | | | |  |
| **7** | **KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I** | | | |  |
| **8** | **BÀI 6.**  **ĐẶC ĐIỂM DÂN CƯ, XÃ HỘI CHÂU Á** | **2** | **1. Kiến thức**  - Trình bày được đặc điểm dân cư, tôn giáo ở châu Á  - Rèn luyện kĩ năng phân tích, khai thác số liệu  - Biết cách sử dụng bản đồ để xác định sự phân bố dân cư ở châu Á  **2. Kỹ năng**  - Năng lực chung: tự chủ, tự học; giao tiếp và hợp tác; giải quyết vấn đề và sáng tạo.  - Năng lực riêng:  + Năng lực tìm hiểu địa lí: sử dụng công cụ địa lí ( bản đồ, bảng số liệu, hình ảnh…)  **3. Phẩm chất**  - Có những hiểu biết trung thực, khách quan về đặc điểm dân cư, tôn giáo, sự phân bố dân cư, các đô thị lớn ở châu Á và ảnh hưởng của các yếu tố đó đến sản xuât và đời sống.  - Yêu khoa học, biết khám phá, tìm hiểu cá vấn đề xã hội  - Có tinh thần chung sống hòa bình, hợp tác và chia sẻ, tôn trọng nét khác biệt trong văn hóa, xã hội giữa các khu vực của châu Á. | |  |
| **9** | **BÀI 7.**  **BẢN ĐỒ CHÍNH TRỊ CHÂU Á, CÁC KHU VỰC CỦA CHÂU Á** | **3** | **1. Kiến thức**  - Xác định được trên bản đồ chính trị các khu vực của châu Á.  - Trình bày được đặc điểm tự nhiên của một trong các khu vực ở châu Á.  - Biết cách sử dụng bản đồ để phân tích các đặc điểm tự nhiên của từng khu vực.  **2. Kỹ năng**  - Năng lực Địa lí:  + Năng lực nhận thức khoa học địa lí: xác định được từng khu vực của Châu Á, đặc điểm đặc trưng của mỗi khu vực.  - Năng lực tìm hiểu địa lí, giáo viên tạo điều kiện cho học sinh sử dụng các công cụ của địa lí học như: atlat địa lí, bản đồ, lược đồ, biểu đồ, bảng số liệu, tranh ảnh,...  - Năng lực chung:  + Năng lực tự chủ và tự học: được hình thành và phát triển thông qua các hoạt động nhóm mảnh ghép  + Năng lực giao tiếp và hợp tác: được hình thành và phát triển thông qua các hoạt động nhóm.  **3. Phẩm chất**  - Thích đọc sách báo, tìm tư liệu trên mạng Internet để hiểu được đặc điểm kinh tế xã hội của các nước ở châu Á. Tìm hiểu phân tích các điều kiện tự nhiên của một trong các khu vực ở châu Á.  - Có trách nhiệm trong việc sử dụng hợp lí và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và môi trường. Có ý thức tìm hiểu và sẵn sàng tham gia các hoạt động bảo vệ thiên nhiên, phản đối những hành vi xâm hại thiên nhiên. | |  |
| **10** | **BÀI 8.**  **THỰC HÀNH TÌM HIỂU CÁC NỀN KINH TẾ LỚN VÀ KINH TẾ MỚI NỔI Ở CHÂU Á** | **1** | **1. Kiến thức:**  - Có hiểu biết về các nền kinh tế lớn và kinh tế mới nổi của châu Á: Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Xin – ga - po.  - Biết thu thập, xử lí thông tin, số liệu thống kê, bản đồ, biểu đồ của một quốc gia.  - Rèn luyện kĩ năng viết và trình bày báo cáo.  **2. Kỹ năng:**  **\* Năng lực chung**  **-** Năng lực tự chủ và tự học, giao tiếp, giải quyết vấn đề. Thông qua việc HS độc lập khai thác thông tin, làm việc với tư liệu học tập để giải quyết các nhiệm vụ học tập, các tình huống có vấn đề đặt ra trong bài học.  **\* Năng lực Địa lí**  **-** Năng lực tìm hiểu Địa lí: biết cách sưu tầm tài liệu và trình bày về một trong các nền kinh tế lớn và kinh tế mới nổi của châu Á.  - Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để viết báo cáo.  **3. Phẩm chất:**  - Chăm chỉ: tích cực, chủ động trong các hoạt động học.  - Có ý thức học tập để xây dựng Đất nước ngày càng phát triển. | |  |
| **11** | **BÀI 9.**  **THIÊN NHIÊN CHÂU PHI** | **3** | **1. Kiến thức**  - Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí, hình dạng và kích thước châu Phi.  - Phân tích được một trong những đặc điểm tự nhiên của châu Phi.  - Phân tích được một trong những vấn đề môi trường trong sử dụng thiên nhiên (ví dụ vấn đề săn bắn và buôn bán động vật hoang dã, lấy ngà voi, sừng tê giác,.. .).  **2. Kỹ năng**  - Năng lực chung:  + Tự chủ và tự học: tự học và hoàn thiện các nhiệm vụ thông qua phiếu học tập.  + Giao tiếp và hợp tác: sử dụng ngôn ngữ, kết hợp với các công cụ học tập để trình bày thông tin, thảo luận nhóm.  + Giải quyết vấn đề sáng tạo.  - Năng lực đặc thù:  + Năng lực nhận thức Địa lí: xác định vị trí địa lí, hình dạng, kích thước của châu Phi.  **3. Phẩm chất**  - Yêu thiên nhiên; có ý thức bảo vệ tự nhiên (bảo vệ rừng, đa dạng sinh học; sử dụng hợp lý, khai thác đi đôi phục hồi tài nguyên thiên nhiên, phòng tránh thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu).  - Ham học hỏi, tìm tòi, khám phá kiến thức khoa học. | |  |
| **12** | **BÀI 10.**  **DÂN CƯ, XÃ HỘI CHÂU PHI** | **2** | **1. Kiến thức**  Trình bày được một trong những vấn đề nổi cộm về dân cư Châu phi( ví dụ: vấn đề nạn đói,…)  **2. Kỹ năng**  + Tự chủ và tự học: tự học và hoàn thiện các nhiệm vụ thông qua phiếu học tập.  + Giao tiếp và hợp tác: sử dụng ngôn ngữ, kết hợp với các công cụ học tập để trình bày thông tin, thảo luận nhóm.  + Giải quyết vấn đề sáng tạo.  **3. Phẩm chất**  - Yêu thiên nhiên; có ý thức bảo vệ tự nhiên (bảo vệ rừng, đa dạng sinh học; sử dụng hợp lý, khai thác đi đôi phục hồi tài nguyên thiên nhiên, phòng tránh thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu).  - Ham học hỏi, tìm tòi, khám phá kiến thức khoa học. | |  |
| **13** | **BÀI 11.**  **PHƯƠNG THỨC CON NGƯỜI KHAI THÁC, SỬ DỤNG VÀ BẢO VỆ THIÊN NHIÊN CHÂU PHI** | **2** | **1. Kiến thức:**  Trình bày được cách thức người dân châu Phi khai thác thiên nhiên ở các môi trường khác nhau.  **2. Kỹ năng:**  \* Năng lực chung  - Năng lực chung: giải quyết vấn đề, giao tiếp và hợp tác, tự chủ và sáng tạo  \* Năng lực Địa lí  - Rèn luyện kỉ năng so sánh cách thức khai thác thiên nhiên ở các môi trường với nhau.  **3. Phẩm chất:**  - Hiểu rõ thiên nhiên, tôn trọng và bảo vệ thiên nhiên.  - Yêu khoa học, ham học hỏi, tìm tòi. | |  |
| **14** | **ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ I** | | | |  |
| **15** | **KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I** | | | |  |
| **HỌC KÌ II** | | | | | |
| **16** | **BÀI 12.**  **THỰC HÀNH SƯU TẦM TƯ LIỆU VỀ CỘNG HÒA NAM PHI** | **1** | **1. Kiến thức**  Sưu tầm được một số tư liệu về sự kiện lịch sử gần đây của Nam Phi  **2. Năng lực**  - Năng lực Địa lí: Biết cách sưu tầm và trình bày được một số sự kiện về lịch sử cộng hòa Nam Phi trong mấy thập niên gần đây  - Năng lực chung:  + Xác định và tìm hiểu thông tin, biết phân tích, tóm tắt thông tin liên quan từ các nguồn khác nhau.  + Sử dụng ngôn ngữ kết hợp với số liệu, biểu đồ, hình ảnh để trình bày thông tin.  **3. Phẩm chất**  - Chăm chỉ: Thông qua tìm kiếm tư liệu về Nam Phi  - Trách nhiệm với nhiệm vụ của mình  - Tôn trọng sự đa dạng về văn hóa của các dân tộc, các nền văn hóa trên thế giới. | |  |
| **17** | **BÀI 13.**  **PHÁT KIẾN RA CHÂU MỸ, VỊ TRÍ ĐỊA LÍ VÀ PHẠM VI CHÂU MỸ** | **2** | **1. Kiến thức**  - Trình bày được khái quát về vị trí địa lí, phạm vi châu Mỹ.  - Xác định được vị trí và phạm vi châu Mỹ trên bản đổ tự nhiên châu Mỹ.  - Phân tích được các hệ quả địa lí - lịch sử cua việc Cri-xtô phơ Cô-lôm-bô phát kiến ra châu Mỹ (1492 - 1502).  **2. Kỹ năng**  - Năng lực chung:  + Tự chủ và tự học: Tự học và hoàn thiện các nhiệm vụ thông qua phiếu học tập.  + Giao tiếp và hợp tác: Sử dụng ngôn ngữ, kết hợp với các công cụ học tập để trình bày thông tin, thảo luận nhóm.  + Giải quyết vấn đề sáng tạo.  - Năng lực tìm hiểu Địa lí: sử dụng công cụ Địa lí (bản đồ, bảng số liệu, hình ảnh,..)  - Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng Địa lí vào cuộc sống.  **3. Phẩm chất**  - Bồi dưỡng tình yêu thiên nhiên, niềm đam mê học hỏi, khám phá miền đất mới.  - Chăm chỉ: tìm hiểu kiến thức trên internet phục vụ cho học tập, yêu khoa học, ham học hỏi, tìm tòi. | |  |
| **18** | **BÀI 14.**  **THIÊN NHIÊN VÀ DÂN CƯ, XÃ HỘI BẮC MỸ** | **2** | **1. Kiến thức**  - Trình bày được một trong những đặc điểm của tự nhiên: sự phân hoá của địa hình, khí hậu; sông, hồ; các đới thiên nhiên.  - Phân tích được một trong những vấn đề dân cư, xã hội: vấn đề nhập cư và chủng tộc, vấn đề đô thị hoá.  **2. Kỹ năng**  - Năng lực chung:  + Tự chủ và tự học: Tự học và hoàn thiện các nhiệm vụ thông qua phiếu học tập.  + Giao tiếp và hợp tác: Sử dụng ngôn ngữ, kết hợp với các công cụ học tập để trình bày thông tin, thảo luận nhóm.  + Giải quyết vấn đề sáng tạo.  - Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng Địa lí vào cuộc sống.  **3. Phẩm chất**  - Bồi dưỡng tình yêu thiên nhiên, niềm đam mê học hỏi, khám phá miền đất mới.  - Chăm chỉ: tìm hiểu kiến thức trên internet phục vụ cho học tập, yêu khoa học, ham học hỏi, tìm tòi. | |  |
| **19** | **BÀI 15.**  **PHÁT TRIỂN THEO HƯỚNG BỀN VỮNG, MỘT SỐ TRUNG TÂM KINH TẾ Ở BẮC MỸ** | **2** | **1.Kiến thức**  - Phương thức khai thác tự nhiên theo hướng bền vững ở Bắc Mỹ.  + Khai thác tài nguyên đất  + khai thác tài nguyên nước  + Khai thác tài nguyên khoáng sản  - Phương thức khai thác tự nhiên theo hướng bền vững ở Bắc Mỹ.  + Khai thác tài nguyên khác  - Xác định trên bản đồ một số trung tâm kinh tế lớn.  **2. Kỹ năng**  - Năng lực chung:  + Tự chủ và tự học: Tự học và hoàn thiện các nhiệm vụ thông qua phiếu học tập.  + Giao tiếp và hợp tác: Sử dụng ngôn ngữ, kết hợp với các công cụ học tập để trình bày thông tin, thảo luận nhóm.  + Giải quyết vấn đề sáng tạo.  - Năng lực Địa lí  + Năng lực nhận thức Địa lí: Năng lực nhận mức thế giới theo quan điểm không gian, giải thích hiện tượng và quá trình địa lí tự nhiên và địa lí kinh tế - xã hội.  - Năng lực tìm hiểu Địa lí: sử dụng công cụ Địa lí (bản đồ, bảng số liệu, hình ảnh,..),sử dụng tranh ảnh địa lý, video clip.  - Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng Địa lí vào cuộc sống.  **3. Phẩm chất**  - Có nhận thức đúng đắn về các vấn đề dần cư, xã hội ở Bắc Mỹ.  -Yêu khoa học, biết khám phá, tìm hiểu các vấn đề xã hội.  - Chăm chỉ: Tìm hiểu kiến thức trên internet phục vụ cho học tập, yêu khoa học, ham học hỏi. Có ý thức vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học ở nhà trường vào cuộc sống. | |  |
| **20** | **BÀI 16.**  **THIÊN NHIÊN TRUNG VÀ NAM MỸ** | **2** | **1. Kiến thức**  - Trình bày được sự phân hóa tự nhiên theo chiều đông – tây , theo chiều bắc – nam  - Trình bày được sự phân hóa tự nhiên theo chiều cao (trên dãy An-đét)  - Trình bày được đặc điểm của rừng nhiệt đới A-ma-dôn.  **2. Kỹ năng**  **\* Năng lực địa lí**  - Năng lực tìm hiểu địa lí  + Tự chủ và tự học: tự học và hoàn thiện các nhiệm vụ thông qua phiếu học tập.  + Giao tiếp và hợp tác: cử dụng ngôn ngữ, kết hợp với các công cụ học tập để trình bày thông tin, thảo luận nhóm.  + Giải quyết vấn đề sáng tạo.  + Năng lực nhận thức Địa lí: Năng lực nhận thức thế giới theo quan điểm không gian, giải thích hiện tượng và quá trình địa lí tự nhiên.  + Năng lực tìm hiểu Địa lí: sử dụng công cụ Địa lí (bản đồ, bảng số liệu, hình ảnh,..)  **3. Phẩm chất**  - Sống hòa hợp, thân thiện với thiên nhiên.  - Có ý thức vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học ở nhà trường vào học tập và cuộc sống. | |  |
| **21** | **BÀI 17.**  **ĐẶC ĐIỂM DÂN CƯ TRUNG VÀ NAM MỸ, VẤN ĐỀ ĐÔ THỊ HÓA, VĂN HÓA MỸ LATINH** | **2** | **1. Kiến thức**  - Trình bày đặc điểm, nguồn gốc dân cư Trung và Nam Mỹ.  - Trình bày vấn đề đô thị hóa, văn hóa Mỹ Latinh.  **2. Kỹ năng**  - Năng lực chung:  + Vận dụng kiến thức, kĩ năng để học giải quyết vấn đề trong tình huống mới.  + Lựa chọn hình thức làm việc nhóm phù hợp, chủ động hoàn thành, các phần việc được giao.  - Năng lực riêng:  + Phân tích bảng số liệu thống kê, nhận xét bảng số liệu, nhận định và rút ra nhận xét về dân cư xã hội Trung và Nam Mĩ.  + Kĩ năng quan sát, phân tích, chỉ lược đồ, khai thác kiến thức qua kênh hình và lược đồ.  **3. Phẩm chất**  **-** Tích cực, chủ động trong các hoạt động học.  - Tôn trọng sự khác biệt về văn hóa của các dân tộc ở Trung và Nam Mỹ. | |  |
| **22** | **ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ II** | | | |  |
| **23** | **KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II** | | | |  |
| **24** | **BÀI 18.**  **VẤN ĐẾ KHAI THÁC, SỬ DỤNG VÀ BẢO VỆ THIÊN NHIÊN RỪNG A-MA-DÔN** | **1** | **1. Về kiến thức:**  - Trình bày được [đặc điếm của rừng nhiệt](https://blogtailieu.com/) đới A-ma-dôn.  - Phân tích được vấn đề khai thác, sử dụng và bảo vệ thiên nhiên thông qua trường hợp rừng A-ma-dôn.  **2. Kỹ năng:**  ***Năng lực chung:***  - Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học đế giài quyết vấn đề trong tình huống mới.  - Lựa chọn hình thức làm việc nhóm phù hợp, chủ động hoàn thành các phần việc được giao.  ***Năng lực Địa lí:***  - Phân tích được bảng số liệu thống kê, nhận xét bảng số liệu, nhận định và rút ra nhận xét về đặc điểm của rừng nhiệt đới A-ma-dôn.  - Đề xuất được các giải pháp cho vấn đề khai thác, sử dụng và bảo vệ thiên nhiên thông qua trường hợp rừng A-ma-dôn.  - Khả năng quan sát, khai thác kiến thức qua kênh hình và bản đồ.  - Biết chủ động đưa ra ý kiến giải pháp khi được giao nhiệm vụ để hoàn thành tốt khi làm việc nhóm.  **3. Phẩm chất**  - Tích cực, chủ động trong các hoạt động học tập.  - Yêu thiên nhiên và biết bảo vệ thiên nhiên [thông qua trường hợp rừ](https://blogtailieu.com/)ng A-ma-dôn. | |  |
| **25** | **BÀI 19.**  **THIÊN NHIÊN CHÂU ĐẠI DƯƠNG** | **2** | **1. Kiến thức:**  - Xác định được các bộ phận của Châu Đại Dương; vị trí địa lí, hình dạng và kích thước lục địa Ô-xtrây-li-a.  - Phân tích được đặc điểm khí hậu, những nét đặc sắc của tài nguyên sinh vật ở Ô-xtrây-li-a.  **2. Năng lực:**  **- Năng lực chung:**  + Năng lực tự chủ, tự học: chủ động thực hiện các nhiệm vụ học tập (cá nhân, cặp, nhóm), sưu tập hình ảnh, viết đoạn văn ngắn,…  + Năng lực giao tiếp và hợp tác: tích cực tham gia các hoạt động theo cặp, nhóm.  **+** Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết sử dụng công cụ, phương tiện phục vụ bài học, biết phân tích và xử lí tình huống.  **- Năng lực địa lí:**  + NL nhận thức khoa học địa lí: nhận thức thế giới quan theo quan điểm không gian qua việc xác định vị trí địa lí châu Đại Dương, phân tích được đặc điểm tự nhiên châu Đại Dương.  + NL tìm hiểu địa lí: sử dụng các công cụ như bản đồ, bảng số liệu, biểu đồ,.. để trình bày và rút ra các nội dung kiến thức.  **3. Phẩm chất:**  - Nâng cao ý thức trách nhiệm trong tìm hiểu và sẵn sàng tham gia các hoạt động tuyên truyền, chăm sóc, bảo vệ thiên nhiên; phản đối những hành vi xâm hại thiên nhiên. | |  |
| **26** | **BÀI 20.**  **DÂN CƯ, XÃ HỘI Ô-XTRÂY-LIA** | **2** | **1. Kiến thức**  Trình bày được đặc điểm dân cư, một số vấn đề về lịch sử, văn hoá của Australia.  **2. Kỹ năng**  - Năng lực chung:  + Vận dụng kiến thức, kĩ năng để học giải quyết vấn đề trong tình huống mới.  + Lựa chọn hình thức làm việc nhóm phù hợp, chủ động hoàn thành, các phần việc được giao.  - Năng lực riêng:  + Kĩ năng quan sát, phân tích, chỉ lược đồ, khai thác kiến thức qua kênh hình và lược đồ.  **3. Phẩm chất**  **-** Tích cực, chủ động trong các hoạt động học.  - Yêu con người, văn hóa Oxtrâylia | |  |
| **27** | **BÀI 21.**  **PHƯƠNG THỨC CON NGƯỜI KHAI THÁC, SỬ DỤNG VÀ BẢO VỆ THIÊN NHIÊN Ở Ô-XTRÂY-LIA** | **1** | **1. Kiến thức**  - Phân tích được phương thức con người khai thác, sử dụng và bảo vệ thiên nhiên ở Ô xtrây –li-a.  **2.Kỹ năng**  \* Năng lực chung:Hình thành và phát triển năng lựctự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo thông qua các hoạt động học tập.  \* Năng lực địa lí:  - Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian: Xác định được sự phân bố một số tài nguyên khoáng sản chính ở Ô xtrây –li-a; Qua đó nhận xét được sự ảnh hưởng của các loại tài nguyên khoáng sản đến sự phát triển các ngành kinh tế đặc biệt là ngành công nghiệp ở Ô xtrây –li-a.  - Giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí:Nêu được mối quan hệ tương hỗ và nhân quả trong sự phân bố các nguồn tài nguyên thiên nhiên đến việc sử dụng chúng của người dân Ô xtrây –li-a; đồng thời những ảnh hưởng của chúng đến sự phát triển các hoạt động sản xuất của con người.  - Sử dụng các công cụ địa lí học: Biết sưu tầm tư liệu địa lí , thu thập các thông tin về tự nhiên và và các thành phần tự nhiên của châu lục phục vụ cho một nhiệm vụ hoặc chủ đề học tập.  +Biết sử dụng các kí hiệu, các chú giải để đọc dược các LĐ, BĐ về địa lí tự nhiên và rút ra các nhận xét cần thiết; đọc phân tích các BĐTN Ô xtrây –li-a;  + Hiểu được ý nghĩa của chỉ tiêu về diện tích rừng ở Ô xtrây –li-a;  **3. Phẩm chất:**  - Hình thành và phát triển phẩm chất chăm chỉ, trách nhiệm  - Có ý thức tìm hiểu và sẵn sàng tham gia các hoạt động tuyên truyền bảo vệ chăm sóc thiên nhiên ở các châu lục.  - Tích cực tìm hiểu kiến thức thông qua nhiều nguồn tư liệu. | |  |
| **28** | **BÀI 22.**  **VỊ TRÍ ĐỊA LÍ, LỊCH SỬ KHÁM PHÁ VÀ NGHIÊN CỨU CHÂU NAM CỰC** | **1** | **1. Kiến thức**  - Xác định được đặc điểm vị trí địa lí của châu Nam Cực.  - Trình bày được lịch sử khám phá và nghiên cứu Châu Nam Cực.  **2. Kỹ năng**  \* Năng lực chung  **-** Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập.  **-** Năng lực giao tiếp và hợp tác: biết chủ động đưa ra ý kiến giải pháp khi được giao nhiệm vụ để hoàn thành tốt khi làm việc nhóm.  \* Năng lực Địa Lí  - Năng lực tìm hiểu địa lí:  + Sử dụng bản đồ, lược đồ để xác định vị trí của châu Nam Cực.  **3. Phẩm chất**  -Trách nhiệm: ứng phó với biến đổi khí hậu  - Chăm chỉ: tích cực, chủ động trong các hoạt động học. | |  |
| **29** | **BÀI 23.**  **THIÊN NHIÊN CHÂU NAM CỰC** | **2** | **1. Kiến thức:**  - Trình bày được đặc điểm thiên nhiên nổi bật của châu Nam Cực: địa hình, khí hậu, sinh vật.  - Mô tả được kịch bản về sự thay đổi của thiên nhiên châu Nam Cực khi có biến đổi khí hậu toàn cầu.  **2. Kỹ năng**  \* Năng lực chung  - Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập; bình tĩnh trước những thay đổi của hoàn cảnh.  - Năng lực giao tiếp và hợp tác: biết chủ động đưa ra ý kiến giải pháp khi được giao nhiệm vụ để hoàn thành tốt khi làm việc nhóm.  \* Năng lực Địa Lí  - Năng lực tìm hiểu Địa lí: Phân tích bản đồ địa hình và khoáng sản, bản đồ phân bố lượng mưa ở châu Nam Cực, biểu đồ nhiệt độ , tranh ảnh.  **3. Phẩm chất**  - Có ý thức tìm hiểu và sẳn sàng tham gia các hoạt động tuyên truyền về biến đổi khí hậu và ứng phó với biến đổi khí hậu nhằm góp phần bào vệ môi trường thiên nhiên châu Nam Cực. | |  |
| **30** | **ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ II** | | | |  |
| **31** | **KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II** | | | |  |

* ***CÁC CHỦ ĐỀ CHUNG***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Chủ đề** | **Số tiết** | **Yêu cầu cần đạt** | **Ghi chú** |
| **1** | **CÁC CUỘC ĐẠI PHÁT KIẾN ĐỊA LÍ** | **3** | **1. Kiến thức**  - Giải thích được nguyên nhân và những yếu tố tác động đến các cuộc đại phát kiến địa lí.  - Mô tả được các cuộc đại phát kiến địa lí: C. Cô-lôm-bô tìm ra châu Mĩ (1942 – 1502), cuộc thám hiểm của Ph. Ma-gien-lăng vòng quanh Trái Đất (1519 – 1522).  - Phân tích được những tác động của các cuộc đại phát kiến địa lí đối với tiến trình lịch sử.  **2. Kỹ năng**  - Năng lực chung: tự chủ, tự học; giao tiếp và hợp tác; giải quyết vấn đề và sáng tạo.  - Năng lực riêng:  + Đọc và chỉ ra được hành trình của các cuộc phát kiến địa lí trên lược đồ.  + Khai thác và sử dụng được thông tin của một số tư liệu lịch sử trong các bài học dưới sự hướng dẫn của GV.  **3. Phẩm chất**  - Bồi dưỡng tinh thần dũng cảm, yêu thích khám phá cái mới, tinh thần đoàn kết các dân tộc; đồng thời giúp HS hiểu giá trị của lao động, căm ghét bóc lột, áp bức.  - Biết quý trọng những di sản văn hóa các dân tộc trên thế giới,... |  |
| **2** | **ĐÔ THỊ: LỊCH SỬ VÀ HIỆN TẠI** | **3** | **1. Kiến thức:**  - Phân tích được các điều kiện địa lí và lịch sử góp phần hình thành và phát triển một đô thị cổ đại và trung đại (qua một số trường hợp cụ thể).  - Trình bày được mối quan hệ giữa đô thị với các nền văn minh cổ đại; vai trò của giới thương nhân với sự phát triển đô thị châu Âu trung đại.  **2. Kỹ năng:**  - Khai thác và sử dụng được một sổ thông tin của một sổ tư liệu lịch sử trong bài học dưới sự hướng dẫn của GV.  - Tìm kiếm, sưu tầm được tư liệu đế phục vụ cho bài học và thực hiện các hoạt động thực hành, vận dụng.  **3. Phẩm chất:** Trân trọng những giá trị di sàn văn hoá công cuộc phát triển đât nước. |  |

**3. Kế hoạch tổ chức dạy học trực tuyến môn lịch sử và địa lí 6 – 7**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung/ chuyên đề  (1)** | **Tuần**  **(2)** | **Yêu cầu cần đạt  (3)** | **Hình thức**  **thực hiện (4)** | **Công cụ phần mềm (5)** |
| 1 | Ôn tập kiểm tra  giữa HKI | 8 | Hướng dẫn HS nắm vững yêu cầu cần đạt của phân môn lịch sử và địa lí từ tuần 1 đến hết tuần 7 thông qua các dạng bài tập | Trực tuyến | Google Meet, google biểu mẫu, kahoot, quizz… |
| 2 | Ôn tập kiểm tra  cuối HKI | 16 | Hướng dẫn HS nắm vững yêu cầu cần đạt của phân môn lịch sử và địa lí từ tuần 1 đến hết tuần 15 thông qua các dạng bài tập | Trực tuyến | Google Meet - biểu mẫu, kahoot, quizz… |
| 3 | Ôn tập kiểm tra  giữa HKII | 25 | Hướng dẫn HS nắm vững yêu cầu cần đạt của phân môn lịch sử và địa lí từ tuần 19 đến hết tuần 24 thông qua các dạng bài tập | Trực tuyến | Google Meet, google biểu mẫu, kahoot, quizz… |
| 4 | Ôn tập kiểm tra  cuối HKII | 34 | Hướng dẫn HS nắm vững yêu cầu cần đạt của phân môn lịch sử và địa lí từ tuần 19 đến hết tuần 33 thông qua các dạng bài tập | Trực tuyến | Google Meet - biểu mẫu, kahoot, quizz… |

**4. Chuyên đề/thao giảng thực hiện.**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Chuyên đề/thao giảng**  **(1)** | **Số tiết**  **(2)** | **Yêu cầu cần đạt**  **(3)** | **Nội dung tích hợp lồng ghép** |
| **LỊCH SỬ - ĐỊA LÍ 6** | | | | |
| 1 | Cấu tạo của trái đất. Động đất và núi lửa (tiết 2) | 1 | - Trình bày được hiện tượng động đất, núi lửa và nêu được nguyên nhân.  - Biết tìm kiếm thông tin về các thảm hoạ thiên nhiên do động đất và núi lửa gây ra vào nhau | Hoạt động TNHN  Lịch Sử - Địa lý |
| 2 | Nhà nước Văn Lang, Âu Lạc (tiết 3) | 1 | HS nắm được những phong tục trong văn hóa Việt Nam hình thành từ thời Văn Lang - Âu Lạc, từ đó biết gìn giữ và phát huy truyền thống dân tộc. | Hoạt động TNHN  Lịch Sử - Địa lý, Giáo dục địa phương, văn học… |
| **LỊCH SỬ - ĐỊA LÍ 7** | | | | |
| 1 | Thiên nhiên Châu Á (tiết 1) | 1 | - Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí, hình dạng và kích thước châu Á.  - Trình bày được một trong những đặc điểm thiên nhiên châu Á, ý nghĩa của đặc điểm này đối với việc sử dụng và bảo vệ tự nhiên. | Lịch sử - Địa lí |
| 2 | Đế quốc Mô-gôn | 1 | - Trình bày khái quát được sự ra đời và tình hình chính trị, kinh tế, xã hội của Ấn Độ dưới thời đế quốc Mô-gôn.  - Giới thiệu và nhận xét một số thành tựu tiêu biểu của văn hóa Ấn Độ dưới thời đế quốc Mô-gôn. | Lịch sử - Địa lí |

**5. Kiểm tra, đánh giá định kỳ**

**5.1 Kiểm tra, đánh giá thường xuyên**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung** | **Hình thức kiểm tra** | **Thời gian thực hiện** | **Ghi chú** |
| **LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÝ 6** | | | | |
| **1** | - Đối với phân môn LS: khái quát về khoa học lịch sử và xã hội nguyên thuỷ. - Đối với phân môn ĐL: Xác định kinh tuyến, vĩ tuyến… | [Tự luận](http://lophoc.hcm.edu.vn/) | Tuần 4 |  |
| **2** | - Đối với phân môn LS: các quốc gia cổ đại (Ai Cập, Lưỡng Hà).  - Đối với phân môn ĐL: Xác định các loại và các dạng kí hiệu bản đồ. | [Tự luận](http://lophoc.hcm.edu.vn/) | Tuần 7 |  |
| **3** | - Đối với phân môn LS: các quốc gia cổ đại (Ấn Độ, Trung Quốc, Hy Lạp). - Đối với phân môn ĐL: Trình bày chuyển động của Trái Đất. | [Tự luận](http://lophoc.hcm.edu.vn/) | Tuần 12 |  |
| 4 | - Đối với phân môn LS: sự giao lưu văn hoá Đông Nam Á và nước La Mã.  - Đối với phân môn ĐL: Quá trình nội- ngoại sinh, địa hình, khoáng sản. | [Tự luận](http://lophoc.hcm.edu.vn/) | Tuần 15 |  |
| 5 | - Đối với phân môn LS: Nhà nước Văn Lang – Âu Lạc. - Đối với phân môn ĐL: Thời tiết – khí hậu – biến đổi khí hậu. | [Tự luận](http://lophoc.hcm.edu.vn/) | Tuần 21 |  |
| 6 | - Đối với phân môn LS: Chính sách cai trị của phương Bắc. - Đối với phân môn ĐL: Thuỷ quyển – tuần hoàn nước. | Tự luận | Tuần 24 |  |
| 7 | - Đối với phân môn LS: Bước ngoặt lịch sử đầu thế kỉ X. - Đối với phân môn ĐL: Biển – đại dương – đất. | Tự luận | Tuần 29 |  |
| 8 | - Đối với phân môn LS: Vương quốc cổ Chămpa. - Đối với phân môn ĐL: Sinh vật - Dân số và phân bố dân cư | Tự luận | Tuần 33 |  |
| **LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÝ 7** | | | | |
| **1** | - Đối với phân môn LS: quá trình hình thành và phát triển chế độ phong kiến ở Tây Âu. - Đối với phân môn ĐL: thiên nhiên – dân cư – xã hội châu Âu | [Tự luận](http://lophoc.hcm.edu.vn/) | Tuần 4 |  |
| **2** | - Đối với phân môn LS: các cuộc phát kiến địa lí, quan hệ sản xuất TBCN…  - Đối với phân môn ĐL: liên minh châu Âu, thiên nhiên châu Á | [Tự luận](http://lophoc.hcm.edu.vn/) | Tuần 7 |  |
| **3** | - Đối với phân môn LS: tiến trình lịch sử, văn hoá Trung Quốc - Đối với phân môn ĐL: nền kinh tế lớn châu Á, thiên nhiên châu Phi | [Tự luận](http://lophoc.hcm.edu.vn/) | Tuần 12 |  |
| 4 | - Đối với phân môn LS: khái quát Đông Nam Á, các vương triều Gupta, Deli...  - Đối với phân môn ĐL: thiên nhiên châu Phi | [Tự luận](http://lophoc.hcm.edu.vn/) | Tuần 15 |  |
| 5 | - Đối với phân môn LS: công cuộc xây dụng và bảo vệ đất nước thời Lý - Đối với phân môn ĐL: châu Mỹ và Bắc Mỹ | [Tự luận](http://lophoc.hcm.edu.vn/) | Tuần 21 |  |
| 6 | - Đối với phân môn LS: công cuộc xây dụng và bảo vệ đất nước thời Lý - Đối với phân môn ĐL: thiên nhiên Trung và Nam Mỹ | Tự luận | Tuần 24 |  |
| 7 | - Đối với phân môn LS: 3 lần kháng chiến chống Mông - Nguyên - Đối với phân môn ĐL: dân cư – xã hội Oxtraylia | Tự luận | Tuần 29 |  |
| 8 | - Đối với phân môn LS: Đại Việt thời Lê sơ, vùng đất phía Nam - Đối với phân môn ĐL: Châu Nam cực | Tự luận | Tuần 33 |  |

**5.2 Kiểm tra, đánh giá định kỳ**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài kiểm tra, đánh giá** | **Thời gian (1)** | **Thời điểm (2)** | **Yêu cầu cần đạt (3)** | **Hình thức (4)** |
| **LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÝ 6** | | | | |
| **KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ I** | 60 phút | Tuần 9 | Đáp ứng các YCCĐ: - Phân môn Lịch sử: Từ bài 1 đến bài 7  - Phân môn Địa lí: Từ bài 1 đến bài 7 | Tự luận + Trắc nghiệm |
| **KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I** | 60 phút | Tuần 18 | Đáp ứng các YCCĐ: - Phân môn Lịch sử: Từ bài 7 đến bài 13  - Phân môn Địa lí: Từ bài 7 đến bài 13 | Tự luận + Trắc nghiệm |
| **KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ II** | 60 phút | Tuần 26 | Đáp ứng các YCCĐ: - Phân môn Lịch sử: Từ bài 14 đến bài 18  - Phân môn Địa lí: Từ bài 14 đến bài 18 | Tự luận + Trắc nghiệm |
| **KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ II** | 60 phút | Tuần 35 | Đáp ứng các YCCĐ: - Phân môn Lịch sử: Từ bài 18 đến bài 21  - Phân môn Địa lí: Từ bài 18 đến bài 24 | Tự luận + Trắc nghiệm |
| **LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÝ 7** | | | | |
| **KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ I** | 60 phút | Tuần 9 | Đáp ứng các YCCĐ: - Phân môn Lịch sử: Từ bài 1 đến bài 7  - Phân môn Địa lí: Từ bài 1 đến bài 5 | Tự luận + Trắc nghiệm |
| **KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I** | 60 phút | Tuần 18 | Đáp ứng các YCCĐ: - Phân môn Lịch sử: Từ bài 7 đến bài 14  - Phân môn Địa lí: Từ bài 5 đến bài 11 | Tự luận + Trắc nghiệm |
| **KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ II** | 60 phút | Tuần 26 | Đáp ứng các YCCĐ: - Phân môn Lịch sử: Từ bài 15 đến bài 17  - Phân môn Địa lí: Từ bài 13 đến bài 17 | Tự luận + Trắc nghiệm |
| **KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ II** | 60 phút | Tuần 35 | Đáp ứng các YCCĐ: - Phân môn Lịch sử: Từ bài 17 đến chủ đề 2  - Phân môn Địa lí: Từ bài 18 đến chủ đề 2 | Tự luận + Trắc nghiệm |

*(1) Thời gian làm bài kiểm tra, đánh giá.*

*(2) Tuần thứ, tháng, năm thực hiện bài kiểm tra, đánh giá.*

*(3) Yêu cầu (mức độ) cần đạt đến thời điểm kiểm tra, đánh giá (theo phân phối chương trình).*

*(4) Hình thức bài kiểm tra, đánh giá: viết (trên giấy hoặc trên máy tính); bài thực hành; dự án học tập.*

**III. Các nội dung khác (nếu có):**

.......................................................................................................................................................................................................

.......................................................................................................................................................................................................

.......................................................................................................................................................................................................

.......................................................................................................................................................................................................

.......................................................................................................................................................................................................

|  |  |
| --- | --- |
| **TỔ TRƯỞNG**  **NGUYỄN THỊ ÁI XUÂN** | *Tp.HCM,ngày 20 tháng 9 năm 2022*  **HIỆU TRƯỞNG**  *(Ký và ghi rõ họ tên)* |